



CÔNG TY CỔ PHẦN TRÚC THÔN

Thành viên của TCty Thép Việt Nam - CTCP

Địa chỉ: Cộng Hoà - Chí Linh - Hải Dương

Tel.: +84 3203 882243

Fax: +84 3203 883163

E-mail: tructhon@tructhon.com.vn

Website: tructhon.com.vn

Số: 181 /TB-HDQT

Hải Dương, ngày 12 tháng 4 năm 2018

THÔNG BÁO

Mời dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 Công ty cổ phần Trúc Thôn

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty cổ phần Trúc Thôn

Hội đồng quản trị (HDQT) Công ty CP Trúc Thôn trân trọng thông báo tới toàn thể Quý Cổ đông về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 như sau:

1. Thời gian: 8h00 ngày 27 tháng 4 năm 2018 (thứ sáu)

2. Địa điểm: Hội trường Công ty cổ phần Trúc Thôn - Phường Cộng Hòa, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

3. Nội dung Đại hội:

- Thông qua báo cáo của HDQT về kết quả SXKD năm 2017 và nhiệm vụ năm 2018;

- Thông qua báo cáo tài chính năm 2017 đã kiểm toán;

- Thông qua báo cáo của Ban kiểm soát năm 2017;

- Thông qua nội dung các Tờ trình, về: Bổ sung, sửa đổi Điều lệ; Quy chế nội bộ về quản trị; Kế hoạch SXKD, đầu tư phát triển năm 2018; thù lao của HDQT, BKS năm 2018; lựa chọn Công ty kiểm toán năm 2018; Cổ đông có thể nhận chuyển nhượng cổ phần dẫn đến sở hữu trên 25% vốn điều lệ không phải chào mua công khai; Ủy quyền cho Chủ tịch HDQT kiêm TGD ký hợp đồng có giá trị > 35% tổng giá trị tài sản; Miễn nhiệm, bầu bổ sung thành viên HDQT và BKS nhiệm kỳ 2016- 2020.

4. Thành phần:

- Các cổ đông (cá nhân, tổ chức) sở hữu cổ phần của Công ty tính đến ngày chốt danh sách cổ đông 17/4/2018.

- Trường hợp cổ đông không thể tham dự, có thể ủy quyền bằng văn bản cho người khác tham dự hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa (có biểu mẫu kèm theo).

5. Đăng ký tham dự:

- Để công tác đón tiếp cổ đông được chu đáo và tiến hành tổ chức Đại hội thuận lợi, đề nghị Quý cổ đông liên hệ trực tiếp qua số điện thoại 0912 526 567 (B. Dương Thị Quyên – Trưởng Tiểu Ban kiểm tra tư cách cổ đông)

- + Đăng ký qua E-mail: quyendt.tc@gmail.com
- Các cổ đông có thể sử dụng mẫu Giấy ủy quyền theo nhóm.
- Đối với các cổ đông đang công tác tại Công ty thì gửi Giấy đăng ký/ủy quyền dự Đại hội về các phòng, đơn vị tập hợp.

6. Tài liệu:

Các loại tài liệu, biểu mẫu liên quan đến Đại hội, Quý cổ đông xem từ Website: tructhon.com.vn (mục quan hệ cổ đông → tài liệu ĐHĐCĐ năm 2018).

Trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Website Cty;
- Lưu VT, HĐQT, TK Cty.

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**





CÔNG TY CỔ PHẦN TRÚ THÔN

Thành viên của TCty Thép Việt Nam – CTCP

Địa chỉ: Công Hoà - Chi Linh - Hải Dương

Tel.: +84 320 882243

Fax: +84 320 883163

E-mail: tructhon@truethon.com.vn

Website: truethon.com.vn

**GIẤY ĐĂNG KÝ HOẶC ỦY QUYỀN
THAM DỰ ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG NĂM 2018
(Của cá nhân/tổ chức)**

Kính gửi: Công ty Cổ phần Trú Thôn

Tên cổ đông (cá nhân/tổ chức):
CMND/ĐKKD số: cấp ngày/...../..... tại
Số CP nắm giữ: :.....CP, theo Giấy chứng nhận số:.....
Địa chỉ liên lạc:
Điện thoại:.....

1. Đăng ký tham dự Đại hội ¹

Tổng số cổ phần (CP):..... CP, Trong đó:

- Số CP nắm giữ: :.....CP,

- Số CP được ủy quyền: :.....CP

(Có giấy ủy quyền kèm theo)

2. Ủy quyền cho người khác ²:

Họ và tên:

CMTND số: cấp ngày/...../..... tại

Địa chỉ liên lạc:

Thay mặt tôi tham dự và biểu quyết các vấn đề có liên quan tại Đại hội Cổ đông của Công ty trong phạm vi cổ phần thuộc sở hữu của tôi

Tôi xin chịu mọi trách nhiệm về việc ủy quyền này và không đưa ra bất cứ khiếu nại gì liên quan đối với Công ty.

Ghi chú: Cổ đông tham dự
ĐH mang theo Giấy mời
họp, Giấy đăng ký/ủy quyền
và CMND để đăng ký đại
biểu

NGƯỜI NHẬN ỦY QUYỀN

(Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm 2018.

NGƯỜI ĐĂNG KÝ/ ỦY QUYỀN

(Ký và ghi rõ họ tên)

¹ Cổ đông đang làm việc tại Công ty đề nghị gửi về phòng hoặc đơn vị nơi làm việc.

² Nếu cổ đông trực tiếp tham dự ĐH thì đăng ký **mục 1**, nếu cổ đông không tham dự ĐH mà ủy quyền cho người khác thì đăng ký **mục 2**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập- Tự do - Hạnh phúc



ĐƠN ĐỀ CỬ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN TRÚC THÔN NHIỆM KỲ 2016 - 2020

Kính gửi : Ban tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2018

Tôi/Chúng tôi là cổ đông của Công ty CP Trúc Thôn, đang sở hữu/đại diện cổ phần, chiếm% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (Danh sách đính kèm ở trang sau). Sau khi nghiên cứu các điều kiện, tiêu chuẩn liên quan đến việc đề cử thành viên Ban kiểm soát Công ty, tôi/chúng tôi nhất trí đề cử các ông, bà có tên dưới đây làm ứng cử viên bầu thành viên BKS Công ty nhiệm kỳ 2016 – 2020 tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2018, gồm:

1. Ông/bà:.....
CMTND số:.....ngày cấp.....tại.....
2. Ông/bà:.....
CMTND số:.....ngày cấp.....tại.....

Tôi/chúng tôi xin gửi kèm theo Đơn này, hồ sơ các ứng viên bao gồm:

- Sơ yếu lý lịch của người được đề cử;
- Bản sao Hộ khẩu thường trú, các văn bằng trình độ văn hoá, trình độ chuyên môn kèm theo.

Trân trọng cảm ơn./.

NGƯỜI ĐƯỢC ĐỀ CỬ
(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày tháng.... năm 2018
ĐẠI DIỆN NHÓM CỔ ĐÔNG/CỔ ĐÔNG ĐỀ CỬ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú: Gửi về Công ty trước 16h ngày 25/4/2018

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG
ĐỀ CỬ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT
(Kèm theo đơn đề cử ngày.... tháng ... năm 2018)

TT	Họ tên cổ đông	Mã số cổ đông/ CMTND	Số cổ phần sở hữu/ đại diện	Chữ ký của cổ đông
1				
2				
3				
4				
5				
6				
7				
8				
9				
10				
11				
12				
13				
14				
15				
16				
17				
	Tổng cộng			

Chúng tôi nhất trí cử ông.....làm đại diện nhóm cổ đông để thực hiện việc đề cử.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập- Tự do - Hạnh phúc



ĐƠN ĐỀ CỬ BẦU BỔ SUNG THÀNH VIÊN HĐQT
CÔNG TY CỔ PHẦN TRÚC THÔN NHIỆM KỲ 2016 - 2020

Kính gửi : Ban tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2018

Tôi/Chúng tôi là cổ đông của Công ty CP Trúc Thôn, đang sở hữu/đại diện cổ phần, chiếm% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (Danh sách đính kèm ở trang sau). Sau khi nghiên cứu các điều kiện, tiêu chuẩn liên quan đến việc đề cử thành viên HĐQT Công ty, tôi/chúng tôi nhất trí đề cử các ông, bà có tên dưới đây làm ứng cử viên bầu thành viên HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2016 – 2020 tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2018, gồm:

1. Ông/bà:.....
CMTND số:.....ngày cấp.....tại.....
2. Ông/bà:.....
CMTND số:.....ngày cấp.....tại.....

Tôi/chúng tôi xin gửi kèm theo Đơn này, hồ sơ các ứng viên bao gồm:

- Sơ yếu lý lịch của người được đề cử;
- Bản sao Hộ khẩu thường trú, các văn bằng trình độ văn hoá, trình độ chuyên môn kèm theo.

Trân trọng cảm ơn./.

NGƯỜI ĐƯỢC ĐỀ CỬ

(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày tháng năm 2018
ĐẠI DIỆN NHÓM CỔ ĐÔNG/CỔ ĐÔNG ĐỀ CỬ

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú: Gửi về Công ty trước 16h ngày 25/4/2018

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG
ĐỀ CỬ BẦU BỔ SUNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
(Kèm theo đơn đề cử ngày.... tháng ... năm 2018)

TT	Họ tên cổ đông	Mã số cổ đông/ CMTND	Số cổ phần sở hữu/ đại diện	Chữ ký của cổ đông
1				
2				
3				
4				
5				
6				
7				
8				
9				
10				
11				
12				
13				
14				
15				
16				
17				
	Tổng cộng			

Chúng tôi nhất trí cử ông.....làm đại diện nhóm cổ đông để thực hiện việc đề cử.



CÔNG TY CỔ PHẦN TRÚC THÔN
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

PHIẾU BIỂU QUYẾT TỪ XA BẰNG VĂN BẢN

Mã số cổ đông:.....

Họ tên cổ đông:

Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết:.....

STT	NỘI DUNG BIỂU QUYẾT	Ý KIẾN BIỂU QUYẾT		
		Đồng ý	Không đồng ý	Không có ý kiến
1	Chương trình Đại hội			
2	Quy chế làm việc Đại hội			
3	Báo cáo của HĐQT về kết quả SXKD năm 2017 và nhiệm vụ năm 2018.			
4	Báo cáo tài chính năm 2017 sau kiểm toán			
5	Báo cáo của BKS về tình hình SXKD năm 2017.			
6	Tờ trình bổ sung, sửa đổi Điều lệ Công ty			
7	Tờ trình Quy chế nội bộ về quản trị Công ty			
8	Tờ trình bầu bổ sung thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2016-2020.			
9	Tờ trình về kế hoạch SXKD, đầu tư năm 2018			
10	Tờ trình thù lao HĐQT, BKS năm 2018			
11	Tờ trình lựa chọn Công ty kiểm toán năm 2018			
12	Tờ trình Cổ đông có thể nhận chuyển nhượng cổ phần dẫn đến sở hữu trên 25% vốn điều lệ không phải chào mua công khai			
13	Tờ trình ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT kiêm TGĐ ký hợp đồng có giá trị $\geq 35\%$ tổng giá trị tài sản			

Ghi chú:- Quý cổ đông đánh dấu (X) vào Một trong 3 phương án Đồng ý, không đồng ý, không có ý kiến tương ứng với từng nội dung biểu quyết.

- Gửi về địa chỉ: Phòng TCHC Công ty CP Trúc Thôn, P. Cộng Hòa, TX. Chí Linh, T. Hải Dương.

.....ngày.....tháng ... năm

CỔ ĐÔNG/ĐẠI DIỆN CỔ ĐÔNG



DANH MỤC TÀI LIỆU
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018
Công ty cổ phần Trúc Thôn

- Thư mời họp, biểu mẫu và toàn bộ tài liệu đăng trên Website: tructhon.com.vn
- Cổ đông nhận tại Đại hội: Thẻ biểu quyết, Phiếu đăng ký phát biểu, tài liệu khác nếu có.

STT	TÊN TÀI LIỆU	Ghi chú
1	Chương trình nghị sự Đại hội đồng cổ đông	
2	Chương trình điều hành Đại hội đồng cổ đông	
3	Quy chế làm việc Đại hội đồng cổ đông	
4	Báo cáo của HĐQT về kết quả SXKD năm 2017 và kế hoạch năm 2018.	
5	Báo cáo tài chính năm 2017 sau kiểm toán	
6	Báo cáo của Ban kiểm soát về tình hình SXKD năm 2017.	
7	Tờ trình bổ sung, sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động	Phụ lục và dự thảo Điều lệ kèm theo
8	Tờ trình về Quy chế nội bộ về quản trị Công ty	Quy chế quản trị kèm theo
9	Tờ trình miễn nhiệm, bầu bổ sung thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2016 - 2020	Quy chế bầu cử kèm theo
10	Tờ trình về kế hoạch SXKD, đầu tư phát triển năm 2018	
11	Tờ trình thù lao HĐQT, BKS năm 2018	
12	Tờ trình lựa chọn Công ty kiểm toán năm 2018	
13	Tờ trình về Cổ đông có thể nhận chuyển nhượng cổ phần dẫn đến sở hữu trên 25% vốn điều lệ không phải chào mua công khai.	
14	Ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT kiêm TGD ký Hợp đồng giao dịch $\geq 35\%$ tổng giá trị tài sản	

BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI



CÔNG TY CỔ PHẦN TRÚC THÔN

Thành viên của TCty Thép Việt Nam – CTCP

Địa chỉ: Cộng Hoà - Chí Linh - Hải Dương

Điện thoại: 0320 3882243

Fax: 0320 3883163

Email: tructhon@tructhon.com.vn

Website: tructhon.com.vn

Hải Dương, ngày 12 tháng 4 năm 2018

CHƯƠNG TRÌNH NGHỊ SỰ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 Công ty cổ phần TrúC Thôn

1. Thông qua Báo cáo của HĐQT về kết quả SXKD năm 2017 và nhiệm vụ năm 2018.
2. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2017 sau kiểm toán.
3. Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2017.
4. Thông qua các Tờ trình, về:
 - Bổ sung, sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động;
 - Quy chế nội bộ về quản trị Công ty;
 - Kế hoạch SXKD, đầu tư phát triển năm 2018;
 - Thù lao của HĐQT, BKS năm 2018;
 - Lựa chọn Công ty kiểm toán năm 2018;
 - Cổ đông có thể nhận chuyển nhượng cổ phần dẫn đến sở hữu trên 25% vốn điều lệ không phải chào mua công khai;
 - Ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT kiêm TGD ký hợp đồng giá trị > 35% tổng giá trị tài sản;
 - Miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên HĐQT, Ban kiểm soát;

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- Website Cty;
- Lưu VT, TkyCty.

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Đặng Văn Việt



**CHƯƠNG TRÌNH ĐIỀU HÀNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018**

(Thời gian: từ 8^h00 ngày 27 tháng 4 năm 2018)

Thời gian	Nội dung	Người thực hiện
7h30÷8h10	Đăng ký danh sách đại biểu cổ đông, phát tài liệu và Thẻ biểu quyết	Ban KTTC cổ đông
8h10÷8h40	Chào cờ, khai mạc, giới thiệu đại biểu	Trưởng phòng TCHC
	Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông	Ban KTTC cổ đông
	Thông qua danh sách Đoàn chủ tọa, Ban thư ký và Tổ kiểm phiếu	Trưởng phòng TCHC
	Đoàn chủ tọa thông qua Chương trình nghị sự, Quy chế làm việc của Đại hội và Đại hội biểu quyết	Đoàn chủ tọa
8h40÷9h20	Báo cáo của Hội đồng quản trị	Thành viên HĐQT
	Báo cáo tài chính sau kiểm toán	Kế toán trưởng
	Báo cáo của Ban kiểm soát	Ban kiểm soát
9h20÷9h40	Thông qua các Tờ trình của HĐQT về:	Ô. Nguyễn Đức Vinh Nam – TVHĐQT
	- Bổ sung, sửa đổi Điều lệ	
	- Quy chế nội bộ về quản trị	
	- Kế hoạch SXKD, đầu tư năm 2018	
	- Thù lao HĐQT, BKS năm 2018	
	- Cổ đông nhận chuyển nhượng cổ phần dẫn đến sở hữu trên 25% vốn điều lệ không phải chào mua công khai.	
	- Ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT kiêm TGD ký hợp đồng giao dịch $\geq 35\%$ tổng giá trị tài sản	
- Lựa chọn công ty kiểm toán năm 2018	Trưởng Ban kiểm soát	
9h40÷ 9h50	- Tờ trình miễn nhiệm, bầu bổ sung thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2016 – 2020: - Thông qua Quy chế bầu cử - Ứng cử, đề cử, chốt danh sách bầu cử	
9h50÷10h20	Đại hội thảo luận các Báo cáo và Tờ trình	Cổ đông
10h20÷11h00	- Trả lời các kiến nghị của Cổ đông	Chủ tịch HĐQT, TGD
	- Đại hội biểu quyết các Báo cáo và Tờ trình	Đoàn Chủ tọa
11h00÷11h15	Tổng công ty thép Việt Nam – CTCP phát biểu ý kiến	
11h15÷11h20	Công bố kết quả biểu quyết các nội dung, kết quả bầu cử	
11h20÷11h30	Thông qua nghị quyết Đại hội	Ban thư ký
	Chào cờ và Bế mạc đại hội	Chủ tọa

Ghi chú: Do thời gian có hạn, trong Đại hội Chủ tọa không thông qua toàn văn dự thảo Điều lệ và Quy chế quản trị đề nghị Quý cổ đông nghiên cứu trong tài liệu.

BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI



CÔNG TY CỔ PHẦN TRÚC THÔN

Thành viên của TCty Thép Việt Nam - CTCP

Địa chỉ: Cộng Hoà - Chí Linh - Hải Dương

Tel.: +84 3203 882243

Fax: +84 3203 883163

E-mail: tructhon@tructhon.com.vn

Website: tructhon.com.vn

Số: 182 /QC- BTC

Hải Dương, ngày 12 tháng 4 năm 2017

QUY CHẾ LÀM VIỆC

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018

Công ty cổ phần Trúc Thôn

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;

Căn cứ Nghị quyết họp Hội đồng quản trị ngày 8/3/2018;

Hội đồng quản trị (HDQT) xây dựng Quy chế làm việc của ĐHĐCĐ thường niên Công ty CP Trúc Thôn năm 2018 như sau:

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng:

Quy chế này sử dụng cho việc tổ chức ĐHĐCĐ thường niên Công ty CP Trúc Thôn năm 2018;

Cổ đông và các bên tham gia Đại hội có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

Điều 2. Mục tiêu:

Đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Đảm bảo nguyên tắc công khai, dân chủ và quyền lợi hợp pháp của cổ đông.

Đảm bảo tính tập trung, ổn định, đạt kết quả cao của Đại hội.

CHƯƠNG II

HỌP ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

Điều 3. Thời gian và địa điểm tổ chức:

Thời gian: 1/2 ngày, từ 8h00 ngày 27 tháng 4 năm 2018 (thứ sáu)

Địa điểm: Hội trường Công ty CP Trúc Thôn - Phường Cộng Hoà, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Điều 4. Thông báo, tài liệu họp Đại hội:

- Thông báo họp Đại hội được gửi cho các cổ đông và đại diện cổ đông (sau đây gọi chung là cổ đông) bằng cách chuyển qua địa chỉ trong danh sách cổ đông chốt tại thời điểm 17/4/2018 do Sở GD&ĐT Hà Nội cung cấp hoặc thư điện tử cổ

đồng đăng ký với Công ty. Nếu cổ đông là CBCNV Công ty thì được gửi qua đơn vị công tác. Ngoài ra, thông báo và tài liệu được công bố trên Báo Hải Dương và website Công ty: tructhon.com.vn

- Các loại tài liệu, biểu mẫu liên quan đến Đại hội, Quý cổ đông xem từ Website: tructhon.com.vn (mục quan hệ cổ đông → tài liệu ĐHĐCĐ năm 2018).

CHƯƠNG III

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN THAM GIA ĐẠI HỘI

Điều 5. Điều kiện tham dự ĐHĐCĐ:

Cổ đông là cá nhân, tổ chức hoặc đại diện cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty vào ngày chốt danh sách cổ đông ngày 17/4/2018 được quyền tham dự Đại hội.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông dự Đại hội:

1. Quyền của cổ đông:

Cổ đông trực tiếp dự Đại hội hoặc có thể ủy quyền bằng Giấy ủy quyền cho người khác đại diện mình tham dự Đại hội. Người được ủy quyền không nhất thiết phải là cổ đông Công ty. Việc ủy quyền chỉ được thực hiện một lần, người được ủy quyền không được ủy quyền lại cho người thứ 3.

Được BTC Đại hội thông báo chương trình Đại hội, nhận các tài liệu phục vụ Đại hội và tham gia ý kiến trực tiếp hoặc thông qua đại diện ủy quyền của mình.

Tại Đại hội, cổ đông được nhận một Thẻ biểu quyết, Phiếu bầu cử. Được thảo luận, biểu quyết các nội dung trong chương trình Đại hội bằng Thẻ biểu quyết và bầu cử bằng Phiếu bầu cử.

2. Nghĩa vụ của các cổ đông:

Thực hiện đầy đủ các nội dung thông báo của Ban tổ chức Đại hội về: đăng ký dự Đại hội, Giấy ủy quyền...

Việc cử đại diện và ủy quyền, thay đổi đại diện và người được ủy quyền nhất thiết phải thực hiện bằng văn bản theo đúng quy định:

- Trường hợp cổ đông ủy quyền là cá nhân thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền.

- Trường hợp cổ đông là pháp nhân/tổ chức thì phải đóng dấu và chữ ký của người đại diện theo pháp luật của pháp nhân/tổ chức đó và người được ủy quyền.

- Mỗi cổ đông, đại diện cổ đông khi tham dự Đại hội phải mang theo giấy tờ tùy thân (CMTND hoặc Hộ chiếu), Giấy mời họp, Giấy đăng ký/ủy quyền nộp cho Ban kiểm tra tư cách cổ đông và nhận Thẻ biểu quyết trước khi vào Đại hội.

- Chấp hành nghiêm Quy chế làm việc được thông qua tại Đại hội. Cổ đông vi phạm Quy chế thì tùy theo mức độ cụ thể, Đoàn chủ tọa xem xét và có hình thức xử lý theo Luật doanh nghiệp.

- Cổ đông đến muộn có quyền đăng ký ngay, sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại Đại hội. Hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn sẽ không bị ảnh hưởng.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của các Ban Đại hội:

1. Ban tổ chức Đại hội:

Ban tổ chức do HĐQT cử và có nhiệm vụ giúp Đại hội chuẩn bị các nội dung cơ bản sau đây:

- Gửi thông báo mời họp đến các cổ đông có quyền dự Đại hội;
- Xây dựng chương trình nghị sự của Đại hội;
- Tổng hợp các tài liệu trình HĐQT phê duyệt;
- Phân công nhiệm vụ các bộ phận và thành viên thực hiện các nội dung liên quan đến Đại hội.

2. Ban kiểm tra tư cách cổ đông:

Ban kiểm tra tư cách cổ đông gồm 03 thành viên do HĐQT cử và có các nhiệm vụ:

- Tổng hợp danh sách cổ đông dự Đại hội;
- Kiểm tra CMTND, CCCD của cổ đông; kiểm tra tính hợp lệ của các Giấy ủy quyền dự Đại hội, phát phiếu biểu quyết tương ứng với số cổ phần cổ đông sở hữu và số cổ phần được ủy quyền;
- Phối hợp với Tổ kiểm phiếu cấp Thẻ biểu quyết;
- Lập báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông và báo cáo trước Đại hội.

3. Tổ kiểm phiếu:

Tổ kiểm phiếu gồm 05 thành viên do Ban tổ chức đề cử và được Đại hội thông qua bằng hình thức biểu quyết. Thành viên Tổ kiểm phiếu có thể không là cổ đông và có nhiệm vụ:

- Chuẩn bị và phát Phiếu biểu quyết; Phiếu bầu cử;
- Thông qua Quy chế bầu cử, kiểm phiếu, công bố kết quả bầu cử;
- Xác định chính xác kết quả biểu quyết của cổ đông theo quy định tại Điều 20 Điều lệ Công ty;
- Lập và thông qua Biên bản kiểm phiếu kết quả biểu quyết các nội dung và kết quả bầu cử trước Đại hội.

4. Trách nhiệm của Chủ tọa:

Chủ tịch HĐQT làm chủ tọa Đại hội, các thành viên khác do Ban tổ chức đề cử và được Đại hội thông qua bằng hình thức biểu quyết và có nhiệm vụ:

- Điều khiển Đại hội theo Chương trình, Quy chế đã được Đại hội thông qua. Chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ, quyết định theo quy định tại khoản 5 và 6 Điều 19 Điều lệ Công ty.

- Hướng dẫn ĐHĐCĐ thảo luận, biểu quyết các vấn đề trong chương trình nghị sự của ĐHĐCĐ.

- Yêu cầu bộ phận chuyên môn làm rõ các nội dung cổ đông yêu cầu (nếu cần);

- Giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình Đại hội.

5. Trách nhiệm của Ban thư ký:

Ban thư ký gồm 02 thành viên do Ban tổ chức đề cử và được Đại hội thông qua bằng hình thức biểu quyết và có nhiệm vụ:

- Ghi chép biên bản chi tiết Đại hội;
- Tiếp nhận Phiếu đăng ký phát biểu của cổ đông chuyển cho Chủ tọa;
- Soạn thảo Nghị quyết và thông qua Đại hội trước khi bế mạc.

CHƯƠNG IV **CÁC ĐIỀU KHOẢN KHÁC**

Điều 8. Điều kiện tiến hành Đại hội:

Đại hội được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông được lập khi quyết định triệu tập Đại hội.

Điều 9. Trường hợp tổ chức Đại hội không thành:

Trường hợp Đại hội lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điều 8 Quy chế này thì được thực hiện theo khoản 2,3 Điều 18 của Điều lệ Công ty.

Điều 10. Cá nhân, tổ chức có nhu cầu dự trực tiếp hoặc đưa tin Đại hội phải đăng ký và được sự đồng ý của Ban tổ chức Đại hội:

Các đại biểu khách mời, cổ đông, các thành viên trong các Ban và bộ phận giúp việc... phải đeo thẻ do Ban kiểm tra tư cách cổ đông cấp phát trong thời gian Đại hội và nơi diễn ra Đại hội.

Điều 11. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội:

1. Nguyên tắc: Tất cả các vấn đề trong chương trình nghị sự của Đại hội đều phải được thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết của cổ đông.

2. Cách biểu quyết: Cổ đông biểu quyết (đồng ý, không đồng ý hoặc không có ý kiến) một vấn đề bằng cách giơ Thẻ biểu quyết. Khi biểu quyết, mặt trước của Phiếu biểu quyết phải được hướng về phía chủ tọa. Những cổ đông không giơ Phiếu biểu quyết được xem là không có ý kiến về vấn đề cần biểu quyết.

3. Thông qua các quyết định của Đại hội cổ đông:

Các vấn đề biểu quyết trong Đại hội được thông qua khi:

- Đạt ít nhất 65% tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông dự họp chấp thuận đối với các nội dung về: Sửa đổi bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu chào bán, sáp nhập, tái tổ chức và giải thể Công ty, giao dịch bán tài sản Công ty có giá trị từ 35 % trở lên tổng giá trị tài sản Công ty.

- Đạt ít nhất 51% tổng số cổ phần biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp chấp thuận đối với các nội dung biểu quyết khác.

Điều 12. Phát biểu ý kiến tại Đại hội:

- Cổ đông muốn phát biểu ý kiến phải được sự đồng ý của Chủ tọa.

- Cổ đông có thể phát biểu trực tiếp hoặc ghi tóm tắt nội dung phát biểu vào "Phiếu đăng ký phát biểu" chuyển cho Thư ký hoặc Chủ tọa. Chủ tọa xem xét tính phù hợp của nội dung phát biểu và sắp xếp cho cổ đông phát biểu theo thứ tự.

Điều 13. Sau Đại hội:

Biên bản, Nghị quyết của Đại hội được công bố thông tin và đăng trên website Công ty trong thời hạn 24h kể từ khi kết thúc Đại hội.

- HĐQT tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết của ĐHCĐ.

- Các báo cáo tài chính được kiểm toán, báo cáo của Ban Kiểm soát, biên bản họp Đại hội phải được lưu giữ tại văn phòng Công ty, đồng thời giải đáp thắc mắc của cổ đông Công ty trong 10 năm để các cổ đông có thể xem xét khi cần.

Quy chế này được thông qua tại Đại hội và có hiệu lực ngay sau khi được sự chấp thuận của trên 65% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Trên đây là toàn bộ Quy chế làm việc của ĐHCĐ thường niên năm 2018, kính trình Đại hội thông qua. / *ĐV*

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- HĐQT, BKS;
- Website Cty;
- Lưu VT, Thư ký Cty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Đặng Văn Việt



CÔNG TY CỔ PHẦN TRÚC THÔN

Thành viên của TCty Thép Việt Nam - CTCP

Địa chỉ: Cộng hoà – Chí Linh - Hải Dương

Điện thoại: 03203 882243 Fax: 03203 883163

E-mail: tructhon@tructhon.com.vn Website: tructhon.com.vn

Số: 183/BC-HĐQT

Hải Dương ngày 12 tháng 4 năm 2018

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2018

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Trúc Thôn;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 12/4/2017 và chương trình kế hoạch công tác của Hội đồng quản trị,

Hội đồng quản trị (HĐQT) báo cáo Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) về kết quả thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2017, kế hoạch SXKD năm 2018 như sau:

PHẦN I

KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ NĂM 2017

I. Đặc điểm, tình hình chung:

1. Thuận lợi:

- Hoạt động xây dựng các khu nhà ở xã hội và dân sinh trong năm 2017 duy trì mức tăng trưởng 8,7% so với năm 2016, đứng thứ 3 trong số các ngành đóng góp vào GDP cả nước, nên đã tác động tích cực đến việc tiêu thụ sản phẩm của Công ty;

- Được sự quan tâm, ủng hộ, chia sẻ của Tổng công ty Thép Việt Nam – CTCP và các Quý cổ đông;

- Đội ngũ lãnh đạo và CBCNV Công ty luôn đoàn kết, nỗ lực khắc phục khó khăn, chuyên môn nghiệp vụ đã dần được củng cố;

- Tình hình sản xuất, tiêu thụ gạch men vẫn trên chiều hướng tích cực, năng lực, trình độ quản lý, tay nghề của cán bộ và NLĐ tiếp tục được cải thiện,... nên đã góp phần cho Công ty vượt qua khó khăn, SXKD có hiệu quả trong năm 2017, tuy hiệu quả không được như với 2016;

- Đầu năm 2017, SXKD GCL đạt hiệu quả khả quan.

2. Khó khăn:

Công ty đã có nhiều cố gắng, tuy nhiên hoạt động SXKD năm 2017 của Công ty vẫn gặp nhiều khó khăn do cạnh tranh ngày càng gay gắt, trong khi SP của Công ty không đa dạng, phạm vi hạn chế.

- Gạch men: SX vẫn được duy trì trên 2 dây chuyền, SXKD có hiệu quả. Tuy nhiên, do thiết bị, công nghệ cũ nên phải thường xuyên sửa chữa thay thế; SP đơn điệu (chỉ có gạch cấp thấp - ceramic, kích thước nhỏ), trong khi cạnh tranh thị trường

ngày càng gay gắt, giá trị gia tăng thấp; Trong khi các sản phẩm gạch ốp lát có mức thuế nhập khẩu chỉ $\approx 20\%$ nên khó cạnh tranh với hàng nhập khẩu giá rẻ, thậm chí nhập khẩu tiểu ngạch, trốn thuế từ Trung Quốc;

- Đất sét: Mỏ đã được gia hạn sau gần 2 năm, song để có thể khai thác tiếp thì phải sang quý II/2018; các thiết bị phục vụ khai thác đã cũ, xuống cấp nên sản lượng khai thác thấp, chi phí cao.

- Vật liệu chịu lửa: Sau hơn một năm đưa Dự án lò tuynel SX gạch chịu lửa công suất 12.000T/năm vào sản xuất đã tăng được sản lượng và phát huy hiệu quả. Tuy nhiên, việc phát triển thị trường tiêu thụ gạch có chất lượng cao như gạch chịu lửa sa-môt A, gạch chịu lửa cao nhôm còn hạn chế. Công ty tiếp tục gặp khó khăn về nguồn cung nguyên liệu samot, trong khi giá bán SP vào nửa cuối năm ở mức thấp, hiệu quả SXKD ngày càng giảm.

II. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu cơ bản:

1. Thực hiện các chỉ tiêu SXKD

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2017	% so Kế hoạch	% so 2016	Ghi chú
1	Doanh thu	Tỷ đồng	350,52	96,04	99,03	
2	S/lượng sản xuất					
	Gạch men	M2	4.828.572	98,54	92	
	Đất sét	Tấn	72.954	78,03	85,62	
	Gạch chịu lửa	Tấn	12.868	102,95	117,91	
	Đất đèn	Tấn	1.204	120,40	120,62	
3	Lượng tiêu thụ					
	Gạch men	M2	4.940.642	96,88	94,52	
	Đất sét	Tấn	16.570	33,14	105,86	
	Gạch chịu lửa	Tấn	11.742	93,93	108,20	
	Đất đèn	Tấn	1.156	115,59	108,04	
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	10,342	147	143	
5	Thu nhập bình quân tháng	Tr đ/người	8,5	113	104	

Dánh giá chung:

Tổng doanh thu đạt 96% so với KH giao, bằng 99% so với 2016. Trong đó doanh thu gạch men, đất sét giảm so với cùng kỳ do sản lượng giảm chỉ bằng 92% so 2016 (do giảm S/L gạch 300 x 450 để tăng lượng SX gạch 300 x 600 có năng suất thấp hơn), đồng thời giá bán gạch men giảm bình quân 5% so với 2016. Chỉ tiêu doanh thu gạch chịu lửa, đất đèn tăng 15% so với 2016 do sản lượng và giá bán GCL tăng; song đến 6 tháng cuối năm giá bán GCL đã giảm 20% so với đầu năm.

Trong 2017, các mặt hoạt động của Công ty nói chung đạt được những kết quả khả quan. Một số chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận mặc dù chưa đạt ở mức cao, song

với điều kiện môi trường khó khăn thì những kết quả đạt được phần nào phản ánh sự nỗ lực, cố gắng và thành công của tập thể Lãnh đạo và NLĐ toàn Công ty (lợi nhuận vượt chỉ tiêu ĐHCĐ giao).

2. Thực hiện các công tác khác:

2.1. Công tác kế hoạch, tiêu thụ:

Công tác lập kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất của các đơn vị trên cơ sở năng lực sản xuất, thị trường tiêu thụ và hiệu quả SXKD. Triển khai tốt công tác phối hợp với các phòng ban Công ty, các đơn vị thành viên trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ SXKD;

Công tác chuẩn bị nguyên liệu, vật tư phục vụ SX ngày càng được chấn chỉnh về tiến độ, chất lượng, giá cả; nguyên nhiên vật liệu tồn kho tiếp tục được kiểm soát ở mức hợp lý;

Các cơ chế, chính sách liên quan đến thị trường, khách hàng và tiêu thụ SP được điều chỉnh kịp thời, linh hoạt, phù hợp nên mặc dù thị trường cạnh tranh khó khăn, song tồn kho SP đã luôn giữ ở mức thấp (tương đương 01 tháng SX),...;

Công ty luôn quan tâm đến việc mở rộng thị trường, thị phần, hệ thống khách hàng,... Tuy nhiên, việc quản bá thương hiệu chưa được thúc đẩy (một phần do SP chính của Công ty – Gạch men đang còn đơn điệu).

2.2. Công tác đầu tư phát triển:

- Một số hạng mục đầu tư chuyển tiếp từ 2016 chưa thực hiện được do Công ty chủ động cân đối lại.

- Về Dự án đầu tư dây chuyền 3 SX gạch granite công suất 4 triệu m²/năm với tổng mức đầu tư theo Báo cáo nguyên cứu khả thi là 289,8 tỷ đồng:

+ Các công việc đã thực hiện gồm: Lập Báo cáo khả thi, thiết kế cơ sở, tổng dự toán, đã lập & duyệt quy hoạch, đang xin cấp phép xây dựng (đã được chấp thuận thiết kế hệ thống PCCC và thẩm định báo cáo DTM). Đền bù các hộ dân để lấy đất phục vụ Dự án, xây 30 căn nhà tái định cư cho các hộ dân và NLĐ tại khu TT để thu hồi đất cho Dự án;

+ Tuy nhiên tiến độ chậm so với dự kiến do hạn chế về mặt bằng, vốn chủ sở hữu chưa đủ, thời tiết mưa nhiều, công tác hoàn thiện hồ sơ, làm các thủ tục xin phép đầu tư, thuê đất tại địa phương, xin thỏa thuận của Bộ Xây Dựng chiếm quá nhiều thời gian. Đến tháng 01/2018 Công ty mới nhận được Quyết định chủ trương đầu tư từ UBND Tỉnh Hải Dương.

- Về Dự án khai thác khoáng sản: Đã được Tổng Cục địa chất & khoáng sản tiếp nhận để phê duyệt đề án đóng cửa mỏ 39,43ha thuộc GP2870 cũ. Hoàn thiện việc lập, thẩm định Đề án thiết kế bản vẽ thi công mỏ và cắm mốc, lập sơ đồ theo giấy phép GP1654.

2.3. Công tác tài chính:

Cùng với chính sách của nhà nước ổn định, Công ty đã cân đối tốt dòng tiền do thúc đẩy tiêu thụ, tồn kho NVL và SP hợp lý, sử dụng vốn đúng mục đích. Các chỉ tiêu tài chính đã được kiểm soát và được các tổ chức tín dụng đánh giá tốt hơn và cam kết cho Công ty vay vốn khi đầu tư các Dự án ở mức 75% trên tổng mức đầu tư 289,8 tỷ.

Việc hạch toán, trích lập các khoản dự phòng công nợ khó đòi đảm bảo quy định. Không phát sinh tăng công nợ khó đòi, song các khoản nợ quá hạn, khó đòi từ những năm trước (trên 4 tỷ đồng) Công ty tiếp tục giao cho các phòng liên quan và đơn vị tiếp tục triển khai thu đòi công nợ, song hầu hết không thể thu hồi. ĐDV sẽ đề nghị HĐQT xử lý theo Quy định.

Năm 2017, Công ty đạt lợi nhuận sau thuế là 10.342.394.330 đồng, tổng lợi nhuận lũy kế đến 31/12/2017 là 18.151.946.006 đồng; tuy nhiên trong năm 2018 Công ty cần có nguồn vốn chủ sở hữu để đầu tư mở rộng dây chuyền 3 gạch men và đền bù khai thác nên HĐQT trình ĐHĐCĐ năm 2018 sẽ chưa thể trích lập các quỹ và chia cổ tức.

2.4. Việc niêm yết CK và kết quả phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ:

Tháng 01/2017 Trung tâm LKCK Việt Nam đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán TRT;

Thực hiện NQ ĐHĐCĐ năm 2017, HĐQT đã khẩn trương lựa chọn thời điểm, triển khai phương án phát hành 5.500.000 CP đồng thời hoàn thiện hồ sơ nộp UBCKNN để được chấp thuận phát hành, chào bán chứng khoán nhằm đảm bảo nguồn tài chính cho đầu tư mở rộng (dây chuyền SX gạch ốp lát cao cấp) làm tiền đề cho sự phát triển bền vững của Công ty CP Trúc Thôn;

Ngày 15/01/2018, UBCKNN cấp Giấy chứng nhận chào bán chứng khoán ra công chúng. Sau khi hết hạn đăng ký mua (từ ngày 17/01 đến 07/3/2018) số cổ phần của cổ đông cổ đông hiện hữu không đăng ký mua là 5.046.492 cổ phiếu (91% CP chào bán);

Để đảm bảo thành công trong việc phát hành tăng vốn, ngày 08/3/2018, HĐQT Công ty đã tổ chức họp để khuyến khích, lựa chọn nhà đầu tư nhằm bán hết 5.046.492 cổ phiếu. Sau khi kết thúc đợt phát hành, ngày 20/3/2018, vốn điều lệ của Công ty CP Trúc Thôn đã đạt 110.000.000.000 đồng tăng 100% (đồng thời đã được UBCK NN, Trung tâm lưu ký CK chấp thuận).

3. Chi trả thù lao HĐQT, BKS Công ty:

Tổng số tiền thù lao chi trả cho các Thành viên HĐQT, BKS không làm việc trực tiếp tại Công ty năm 2017 là 192 triệu đồng, bằng 100% mức thù lao đã được ĐHĐCĐ thông qua, cụ thể:

- 03 thành viên HĐQT: 4 triệu đồng/người/tháng;
- 02 thành viên BKS: 2 triệu đồng/người/tháng.

Đối với các chức danh quản lý tham gia HĐQT, BKS kiêm nhiệm như: Tổng Giám đốc, Phó TGD, Trưởng BKS hiện đang làm việc trực tiếp tại Công ty thì hưởng phụ cấp kiêm nhiệm thấp hơn mức thù lao ĐHĐCĐ phê duyệt.

4. Hoạt động của HĐQT:

HĐQT nhiệm kỳ 2016 – 2020 gồm 5 thành viên được bầu tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2016, trong đó Chủ tịch HĐQT kiêm TGD. Trong năm không có sự thay đổi thành viên HĐQT. Trong HĐQT có 02 Thành viên HĐQT trực tiếp tham gia điều hành Công ty với chức danh TGD và Phó TGD, 03 thành viên còn lại không làm việc trực tiếp tại Công ty;

Trong năm HĐQT đã tổ chức 03 phiên họp toàn thể (theo quy chế của HĐQT), có 100% số Thành viên HĐQT tham dự tất cả các cuộc họp. Chủ tịch HĐQT, TGD đã tổ chức xin ý kiến bằng văn bản các Thành viên HĐQT để thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền HĐQT và Điều lệ Công ty. Tổng số có 07 Nghị quyết và Quyết định được ban hành trong năm;

Trình tự, thủ tục họp HĐQT phù hợp với Điều lệ và Quy chế hoạt động của HĐQT. Các cuộc họp HĐQT có sự tham gia của Trưởng BKS và mời một số cán bộ quản lý tham dự;

Mọi quyết định của HĐQT là hoàn toàn khách quan, trung thực; Các quyết định được đưa ra đều có sự bàn bạc, thảo luận một cách cẩn trọng và kỹ lưỡng dựa trên những cơ sở, điều kiện thực tế của Công ty. Hoạt động của HĐQT luôn coi trọng quyền và lợi ích của cổ đông, vì sự tồn tại và phát triển bền vững của Công ty.

5. Kết quả giám sát, đánh giá của HĐQT đối với Ban điều hành:

Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty và những quy chế, quy định đã ban hành, HĐQT giao quyền cho Ban điều hành quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động SXKD đồng thời thiết lập cơ chế kiểm tra, giám sát Ban điều hành thông qua hệ thống các Nghị quyết, Báo cáo tổng hợp, chi tiết và các kỳ họp HĐQT định kỳ cũng như đột xuất;

Kết thúc năm 2017, HĐQT đánh giá Ban điều hành đã thực hiện đầy đủ, tuân thủ chỉ đạo, định hướng của HĐQT. Ban điều hành đã triển khai thực hiện tốt các nội dung Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2017. Tập trung duy trì sản xuất gạch men, gạch chịu lửa; tập trung tháo gỡ, đẩy nhanh tiến độ các thủ tục hành chính liên quan đến Dự án đầu tư dây chuyền 3 gạch men và phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ;

Trong năm TGD đã thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ trong điều hành các hoạt động của Công ty. Mặc dù Chủ tịch HĐQT kiêm TGD song việc chuẩn bị các nội dung để báo cáo và trình HĐQT xem xét, phê duyệt các nội dung được TGD thực hiện đầy đủ, đảm bảo đúng quy định Điều lệ và Quy chế hoạt động của Công ty;

Hàng quý các Thành viên HĐQT được TGD thông tin, báo cáo về tình hình SXKD, đồng thời đề xuất các giải pháp nhằm thực hiện hiệu quả các chỉ tiêu đề ra;

TGD đã thực hiện nghiêm túc việc cung cấp thông tin, tạo điều kiện cho BKS tiếp cận và kiểm tra tình hình tài chính và các mặt hoạt động của Công ty.

Kết luận:

Trong năm HĐQT, TGD và Ban điều hành đã triển khai thực hiện các nội dung Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2017, đặc biệt các giải pháp trọng tâm trong chỉ đạo, điều hành của từng lĩnh vực đã nêu trên để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch về doanh thu, sản xuất và tiêu thụ. Đây là động lực, nguồn động viên tích cực để toàn thể đội ngũ CBCNV Công ty phấn đấu hoàn thành các mục tiêu KH SXKD năm 2018 và những năm tiếp theo.

PHẦN II

PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM 2018

1. Đánh giá tình hình năm 2018:

- Lĩnh vực xây dựng tiếp tục tăng trưởng, lãi suất ngân hàng ổn định tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiêu thụ và đầu tư của Công ty;

- Bên cạnh việc duy trì sản xuất, tiêu thụ các SP hiện có; Công ty phải đồng thời triển khai quyết liệt các hạng mục đầu tư của Dự án dây chuyền 3 gạch men và khai thác khoáng sản, trong điều kiện:

+ Nhu cầu về gạch men, gạch chịu lửa (SP chính của Công ty) sẽ không thuận lợi hơn so với năm 2017, cạnh tranh sẽ quyết liệt do các nhà SX (đặc biệt là gạch men) đều tăng năng lực SX, hiện đại hóa thiết bị, đa dạng sản phẩm, tồn kho của các nhà SX lớn. Hiệu quả SXKD gạch chịu lửa giảm nhiều so với thực hiện năm 2017. Trong khi nguồn lực của Công ty còn nhiều bất cập so với các nhà sản xuất cùng loại, cả về công suất, mức độ hiện đại của dây chuyền, thiết bị; về khả năng đa dạng sản phẩm; năng lực quản lý, công nghệ tuy đã dần được cải thiện, song còn hạn chế;

+ Chi phí tài chính sẽ tăng khi Công ty giải ngân thực hiện Dự án đầu tư.

Để tồn tại và phát triển, một mặt Công ty sẽ tiếp tục thúc đẩy Dự án đầu tư mới, mặt khác tìm mọi giải pháp trong SX, tiết kiệm chi phí,... để phát huy tối đa nguồn lực hiện tại, nhằm đem lại hiệu quả cho SXKD năm 2018.

2. Một số chỉ tiêu KH SXKD chủ yếu năm 2018

- **Doanh thu:** 355.000 triệu đồng

- **Sản xuất:** + Gạch men: 4.950.000 m².

+ Đất sét: 80.000 tấn.

+ Gạch chịu lửa: 12.500 tấn.

+ Đất đèn: 1.000 tấn.

- **Tiêu thụ:** + Gạch men: 5.100.000 m².

+ Đất sét: 40.000 tấn.

+ Gạch chịu lửa: 13.000 tấn.

+ Đất đèn: 1.050 tấn.

- **Lợi nhuận sau thuế:** 8.000 triệu đồng.

- **Thu nhập bình quân:** ≥ 8.000.000 đ/người/tháng.

3. Kế hoạch đầu tư năm 2018:

Để đảm bảo ổn định và phát triển SXKD, Công ty tiếp tục triển khai một số hạng mục đầu tư chuyển tiếp từ năm 2017 sang như: Đền bù giải phóng mặt bằng đất khai thác, thiết bị khai thác mỏ,...

Tập chung mọi nguồn lực để triển khai thực hiện các nội dung, hạng mục thuộc Dự án đầu tư dây chuyền SX gạch ốp lát granite CS 4 triệu m²/năm.

4. Tài chính

- Sau khi tăng vốn điều lệ lên 110 tỷ đồng, Công ty tiếp tục cân đối và quản lý

tối dòng tiền để đầu tư cho các Dự án; đồng thời tuân thủ việc quản lý và sử dụng vốn đúng mục đích và hiệu quả.

- Tổ chức thực hiện phương án và lộ trình thoái vốn của Tổng công ty thép Việt Nam – CTCP tại Công ty CP Trúc Thôn (sau khi Công ty tăng VDL thì vốn của Tcty chiếm 20,05% VDL);

- Tiếp tục triển khai chủ trương của ĐHĐCĐ đã ủy quyền cho HĐQT chuyển nhượng, chuyển đổi mục đích sử dụng phần đất 15.000 m2 tại Cửa hàng GTSP & KDVLXD theo hướng: chuyển nhượng (bán) toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản trên đất cho đối tác khác có nhu cầu.

5. Các giải pháp chủ yếu:

- Tiếp tục phát huy hiệu quả SXKD từ các thiết bị, tài sản hiện có bằng việc nâng cao hiệu quả sản xuất, tiết giảm tiêu hao NNVL, thực hành tiết kiệm, kiểm soát giá thành, nâng cao năng lực cạnh tranh và mở rộng thị trường tiêu thụ đối với các sản phẩm hiện tại (gạch ốp lát, gạch chịu lửa, đất đèn, sét các loại).

- Tích cực hoàn thiện các thủ tục cấp phép cho hoạt động khai thác đất phục vụ trực tiếp nhu cầu sản xuất của Công ty và thương mại.

- Cân đối nguồn vốn đảm bảo phục vụ SXKD, đầu tư phát triển.

- Triển khai, thực hiện nhanh, đảm bảo chất lượng đối với Dự án đầu tư dây chuyền SX gạch ốp lát granite CS 4 triệu m2/năm: xây dựng nhà xưởng, lắp đặt thiết bị trong năm 2018; chạy thử, đi vào sản xuất trước quý II/2019. Đồng thời cân đối, lựa chọn trong việc triển khai thực hiện các hạng mục đầu tư khác đã được phê duyệt.

- Thực hiện mọi giải pháp nhằm đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu chủ yếu KH SXKD về doanh thu, lợi nhuận; đảm bảo việc làm, thu nhập cho NLD (phần đầu đạt mức thu nhập bằng hoặc cao hơn thực hiện năm 2017); đạt và vượt chỉ tiêu được ĐHĐCĐ giao.

- Xây dựng kế hoạch quản lý, khai thác tài nguyên trong ngắn hạn và dài hạn sau khi được các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Trên đây là báo cáo của HĐQT tổng kết hoạt động SXKD năm 2017 và nhiệm vụ năm 2018. Chúng tôi mong muốn các Quý Cổ đông sẽ đóng góp những ý kiến thiết thực giúp HĐQT, Ban điều hành thực hiện Nghị quyết Đại hội và có được chiến lược tốt nhất cho sự phát triển ổn định và bền vững của Công ty./...

Nơi nhận:

- TV HĐQT;
- Các Cổ đông;
- BKS;
- Lưu VT, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Đặng Văn Việt



CÔNG TY CỔ PHẦN TRÚC THÔN

Thành viên của TCty thép Việt Nam - CTCP

Địa chỉ: Cộng Hoà - Chí Linh - Hải Dương

Tel.: +84 3203 882243

Fax: +84 3203 883163

E-mail: tructhon@tructhon.com.vn

Website: tructhon.com.vn

Số: 192 /BC- HDQT

Hải Dương, ngày 12 tháng 4 năm 2018

BÁO CÁO

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH SAU KIỂM TOÁN NĂM 2017

Kính gửi: ĐHCĐ thường niên Công ty năm 2018

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội Nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;

Căn cứ báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến 31/12/2017 đã được kiểm toán.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Trúc Thôn trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo tóm tắt tình hình tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 ~ 31/12/2017 như sau:

A. Kết quả một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu như sau (Xin tham khảo tài liệu kèm theo).

I. Về tài sản:

1. Tài sản ngắn hạn:

- Số đầu năm: 89,2 tỷ đồng

- Số cuối năm: 98,3 tỷ đồng

So với đầu năm tăng 9,1 tỷ đồng tương ứng 10,2% là do chênh lệch giữa các khoản mục như sau:

+ Tiền và các khoản tương đương tiền giảm: 4,8 tỷ đồng (Do tiền gửi tại các ngân hàng chuyển sang tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn).

+ Đầu tư tài chính ngắn hạn tăng: 5 tỷ đồng (Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn).

+ Phải thu ngắn hạn giảm: 0,5 tỷ đồng (Do phải thu ngắn hạn của khách hàng và trả trước cho người bán ngắn hạn giảm).

+ Hàng tồn kho tăng: 9,6 tỷ đồng (Do tồn kho nguyên vật liệu và hàng hóa tăng).

+ Tài sản khác giảm: 0,2 tỷ đồng.

2. Tài sản dài hạn:

- Số đầu năm: 96,7 tỷ đồng

- Số cuối năm: 87,5 tỷ đồng

So với đầu năm giảm 9,2 tỷ đồng tương ứng 9,6% là do chênh lệch giữa các khoản mục như sau:

- + Các khoản phải thu dài hạn tăng: 0, 1 tỷ đồng (Lãi ký quỹ ký cược dài hạn 2017).
- + Tài sản cố định giảm: 12,4 tỷ đồng (Do tăng mới TSCĐ là 2,2 tỷ đồng và trích khấu hao TSCĐ là 14,6 tỷ đồng).
- + Chi phí XDCB dở dang tăng: 2,9 tỷ đồng (Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng của DA đầu tư mở rộng dây chuyền SX gạch granite cao cấp và máy móc thiết bị của NMGOL chưa tăng TSCĐ).
- + Tài sản dài hạn khác tăng: 0,2 tỷ đồng (Chi phí trả trước dài hạn tăng).

II. Về nguồn vốn:

1. Nợ phải trả:

- Số đầu năm: 119 tỷ đồng
- Số cuối năm: 108,7 tỷ đồng

So với đầu năm giảm 10,3 tỷ đồng tương ứng 8,7% là do chênh lệch giữa các khoản mục sau:

- + Nợ ngắn hạn giảm: 2,8 tỷ đồng (Do vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn giảm 4,1 tỷ đồng, phải trả người bán tăng 4,3 tỷ đồng, người mua trả tiền trước giảm 2,2 tỷ đồng, các khoản phải nộp ngân sách giảm 1,6 tỷ đồng, phải trả người lao động và phải trả khác tăng 0,8 tỷ đồng).
- + Nợ dài hạn giảm: 7,5 tỷ đồng (Do trả nợ vay dài hạn trong năm là 7,9 tỷ đồng và trích hoàn thổ tăng 0,4 tỷ đồng).

2. Vốn chủ sở hữu:

- Số đầu năm: 66,8 tỷ đồng
- Số cuối năm: 77,1 tỷ đồng

So với đầu năm tăng 10,3 tỷ đồng tương ứng 15,4% là do lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tăng (Năm 2017 lãi 10,3 tỷ đồng).

B. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017:

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:	350,545 tỷ đồng
2. Các khoản giảm trừ doanh thu:	0,024 tỷ đồng
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ:	350,521 tỷ đồng
4. Giá vốn hàng bán:	311,074 tỷ đồng
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ:	39,447 tỷ đồng
6. Doanh thu hoạt động tài chính:	0,649 tỷ đồng
7. Chi phí tài chính:	2,824 tỷ đồng
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>2,625 tỷ đồng</i>
8. Chi phí bán hàng:	6,177 tỷ đồng
9. Chi phí QLDN:	16,750 tỷ đồng
10. Lợi nhuận thuần từ HĐKD:	14,345 tỷ đồng
11. Thu nhập khác:	1,088 tỷ đồng

12. Chi phí khác:	2,444 tỷ đồng
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế:	12,989 tỷ đồng
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp:	2,647 tỷ đồng
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp:	10,342 tỷ đồng

C. Tiền lương của TGD và các cán bộ quản lý khác năm 2017:

ĐVT: đồng

TT	Họ tên	Chức vụ	Lương, thưởng
1	Đặng Văn Việt	Chủ tịch HĐQT kiêm TGD	498.000.000
2	Nguyễn Đức Vinh Nam	TVHĐQT- Phó TGD	370.800.000
3	Đào Duy Minh	Phó TGD	334.800.000
4	Dương Thị Quyên	KTT kiêm TPTCKT	213.600.000

Ghi chú: Tiền lương áp dụng theo mức lương gốc tại Quy chế trả lương của Công ty.

Kính trình Đại hội chấp thuận thông qua. 

Nơi nhận:

- Các cổ đông Cty (b/c);
- ĐHCĐ (b/c);
- HĐQT, BKS;
- Lưu TC, VT.

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Đặng Văn Việt

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		98.373.829.887	89.208.352.533
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	14.094.999.534	18.815.217.376
1. Tiền	111		6.094.999.534	11.815.217.376
2. Các khoản tương đương tiền	112		8.000.000.000	7.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	5.000.000.000	
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		5.000.000.000	
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		8.843.335.579	9.310.123.282
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	7.429.159.133	8.732.566.754
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	2.472.709.262	3.073.743.194
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	2.910.147.787	1.470.885.886
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(4.290.177.703)	(4.288.569.652)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.06	321.497.100	321.497.100
IV. Hàng tồn kho	140	V.07	69.927.718.774	60.306.442.982
1. Hàng tồn kho	141		73.737.734.653	64.979.807.919
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(3.810.015.879)	(4.673.364.937)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		507.776.000	776.568.893
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.08	60.945.000	301.353.331
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.16	446.831.000	475.215.562
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		87.538.347.718	96.717.826.212
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3.307.174.127	3.209.330.542
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.09	3.307.174.127	3.209.330.542
II. Tài sản cố định	220		80.936.798.110	93.341.829.007
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	80.936.798.110	93.341.829.007
- Nguyên giá	222		239.126.850.655	236.915.394.968
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(158.190.052.545)	(143.573.565.961)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.11		
- Nguyên giá	228		76.400.000	76.400.000
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	229		(76.400.000)	(76.400.000)
III. Bất động sản đầu tư	230			
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.12	2.984.707.608	
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		2.984.707.608	
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250			
VI. Tài sản dài hạn khác	260		309.667.873	166.666.663
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13	309.667.873	166.666.663
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		185.912.177.605	185.926.178.745

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: đồng	
			31/12/2017	01/01/2017
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		108.732.551.599	119.088.947.069
I. Nợ ngắn hạn	310		71.649.389.877	74.483.828.395
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	42.140.469.763	37.893.551.285
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	1.839.353.071	4.032.270.782
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	1.228.299.901	2.837.444.618
4. Phải trả người lao động	314		17.053.623.351	16.413.969.625
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	365.485.448	295.516.905
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	1.116.958.343	996.490.053
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19.1	7.905.200.000	12.014.585.127
II. Nợ dài hạn	330		37.083.161.722	44.605.118.674
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19.2	12.779.103.400	20.684.303.400
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.20	24.304.058.322	23.920.815.274
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		77.179.626.006	66.837.231.676
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.21	77.179.626.006	66.837.231.676
1. Vốn góp của chủ sở hữu (411a, 411b)	411		55.000.000.000	55.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3.700.000.000	3.700.000.000
3. Cổ phiếu ngân quỹ	415		(272.320.000)	(272.320.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		600.000.000	600.000.000
5. Lợi nhuận chưa phân phối	421		18.151.946.006	7.809.551.676
II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		185.912.177.605	185.926.178.745

Hải Dương, ngày 07 tháng 02 năm 2018

Người lập biểu

Hoà

Nguyễn Thị Hoà

Kế toán trưởng

Dương Thị Quyên

Dương Thị Quyên



BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2017

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	350.545.433.173	353.914.405.397
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		24.820.000	31.507.000
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		350.520.613.173	353.882.898.397
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	311.073.761.604	315.446.184.838
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		39.446.851.569	38.436.713.559
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	649.780.543	248.939.912
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	2.823.698.883	3.465.099.893
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.625.374.727	3.093.750.168
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	6.176.920.022	7.181.970.620
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	16.750.957.979	18.203.976.047
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		14.345.055.228	9.834.606.911
11. Thu nhập khác	31	VI.7	1.088.121.676	2.196.616.681
12. Chi phí khác	32	VI.8	2.443.683.992	2.621.549.780
13. Lợi nhuận khác	40		(1.355.562.316)	(424.933.099)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		12.989.492.912	9.409.673.812
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	2.647.098.582	2.116.488.381
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		10.342.394.330	7.293.185.431
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	V.20.6	1.890	1.333
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		-	-

Hải Dương, ngày 07 tháng 02 năm 2018

Người lập biểu

Nguyễn Thị Hoa

Nguyễn Thị Hoa

Kế toán trưởng

Dương Thị Quyên

Dương Thị Quyên



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Theo phương pháp gián tiếp
Năm 2017

Chỉ tiêu	Đơn vị tính: đồng	
	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh	17.286.674.427	20.793.844.527
1. Lợi nhuận trước thuế	12.989.492.912	9.409.673.812
2. Điều chỉnh cho các khoản	16.448.860.303	19.118.235.777
+ Khấu hao tài sản cố định	14.959.507.803	14.361.541.273
+ Các khoản dự phòng	(861.741.007)	2.114.360.234
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	6.226.347	88.974.020
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư, hoạt động khác	(280.507.567)	(540.389.918)
+ Chi phí lãi vay	2.625.374.727	3.093.750.168
3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	29.438.353.215	28.527.909.589
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	529.720.984	(1.704.649.739)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	(8.757.926.734)	(3.738.076.561)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	2.816.214.344	3.254.166.677
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	97.407.121	260.881.896
- Tiền lãi vay đã trả	(2.746.794.490)	(2.974.849.577)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(3.683.703.506)	(1.335.629.824)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	67.950.000	483.037.416
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(474.546.507)	(1.978.945.350)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	(9.986.080.795)	(30.779.885.835)
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(5.132.588.007)	(32.353.734.086)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		445.454.546
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(5.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		960.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	146.507.212	168.393.705
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính	(12.014.585.127)	14.597.018.527
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	13.667.952.110	84.191.193.054
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	(25.682.537.237)	(69.591.894.527)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính		
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(2.280.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	(4.713.991.495)	4.610.977.219
Tiền và tương đương tiền đầu năm	18.815.217.376	14.235.563.111
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	(6.226.347)	(31.322.954)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	14.094.999.534	18.815.217.376

Hải Dương, ngày 07 tháng 02 năm 2018

Người lập biểu

Hoà

Nguyễn Thị Hoà

Kế toán trưởng

Quyên

Dương Thị Quyên



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

(Các ghi chú này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Trúc Thôn hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0800064718, đăng ký lần đầu ngày 30 tháng 12 năm 2005, đăng ký thay đổi lần 8 ngày 26 tháng 12 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại thôn Trúc, phường Cộng Hòa, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Vốn điều lệ của Công ty là 55.000.000.000 VND (Năm mươi lăm tỷ đồng Việt Nam).

2. Lĩnh vực kinh doanh và ngành nghề kinh doanh chính

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là Sản xuất công nghiệp.

Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất Gạch ốp lát, Gạch chịu lửa, đất đèn, ...

3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0800064718, đăng ký lần đầu ngày 30 tháng 12 năm 2005, đăng ký thay đổi lần 8 ngày 26 tháng 12 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất vật liệu chịu lửa và vật liệu xây dựng các loại;
- Khai thác, chế biến đất chịu lửa, đất sét trắng, quặng Đô lô mít;
- Mua bán: Vật liệu chịu lửa và vật liệu xây dựng các loại;
- Sản xuất kinh doanh đất đèn, hồ điện cực, fero các loại;
- Sản xuất, mua bán: các sản phẩm kim loại, các sản phẩm nguyên liệu phục vụ ngành thép;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Xây dựng công trình dân dụng, giao thông, công nghiệp và thủy lợi;
- Lắp đặt và sửa chữa máy móc, thiết bị, xe máy;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn và du lịch.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh bình quân của ngành, lĩnh vực: 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm tài chính, hoạt động của Công ty không có đặc điểm đáng kể nào có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính. Hoạt động của Công ty diễn ra bình thường ở tất cả các kỳ trong năm.

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm dương lịch.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (ký hiệu quốc gia là “đ”; ký hiệu quốc tế là “VND”).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Công ty có nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ thực hiện ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính theo một đơn vị tiền tệ thống nhất là Đồng Việt Nam. Việc quy đổi đồng ngoại tệ ra Đồng Việt Nam căn cứ vào:

- Tỷ giá giao dịch thực tế;
- Tỷ giá ghi sổ kế toán.

2. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các khoản tiền do doanh nghiệp khác và cá nhân ký cược, ký quỹ tại Công ty được quản lý và hạch toán như tiền của Công ty.

Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, ngoại tệ được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo nguyên tắc: Bên Nợ các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế; Bên Có các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, số dư ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế, là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Hoặc mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của tổ chức kinh tế khi không xác định được giá trị thị trường.

4. Nguyên tắc kế toán phải thu

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

a. Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, như: Phải thu về bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý, nhượng bán tài sản (TSCĐ, các khoản đầu tư tài chính) giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;

b. Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, như:

- Các khoản phải thu tạo ra doanh thu hoạt động tài chính, như: khoản phải thu về lãi cho vay, tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia;
- Các khoản chi hộ bên thứ ba được quyền nhận lại; Các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác;
- Các khoản phải thu không mang tính thương mại như cho mượn tài sản, phải thu về tiền phạt, bồi thường, tài sản thiếu chờ xử lý...

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn. Các chỉ tiêu phải thu của Bảng cân đối kế toán có thể bao gồm cả các khoản được phản ánh ở các tài khoản khác ngoài các tài khoản phải thu, như: Khoản cho vay được phản ánh ở TK 1283; Khoản ký quỹ, ký cược phản ánh ở TK 244, khoản tạm ứng ở TK 141...

Các khoản phải thu có gốc ngoại tệ được đánh giá lại cuối kỳ khi lập Báo cáo tài chính. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản phải thu có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch (do Công ty tự lựa chọn khi giao dịch với đối tượng phải thu).

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7/12/2009.

Việc xác định các khoản cần lập dự phòng phải thu khó đòi được căn cứ vào các khoản mục được phân loại là phải thu ngắn hạn, dài hạn của Bảng cân đối kế toán. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

a. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho của Công ty là những tài sản được mua vào để sản xuất hoặc để bán trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường. Đối với sản phẩm dở dang, nếu thời gian sản xuất, luân chuyển vượt quá một chu kỳ kinh doanh thông thường thì không trình bày là hàng tồn kho trên Bảng cân đối kế toán mà trình bày là tài sản dài hạn.

Các loại sản phẩm, hàng hóa, vật tư, tài sản nhận giữ hộ, nhận ký gửi, nhận ủy thác xuất nhập khẩu, nhận gia công... không thuộc quyền sở hữu và kiểm soát của Công ty thì không phản ánh là hàng tồn kho.

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

b. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng giai đoạn sản xuất trong dây chuyền.

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao TSCĐ của Công ty được ước tính phù hợp và thực hiện theo phương pháp đường thẳng theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ.

7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính. Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

8. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- a. Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán (là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác);
- b. Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ:
 - Các khoản phải trả liên quan đến chi phí tài chính, như: khoản phải trả về lãi vay, cổ tức và lợi nhuận phải trả, chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả;
 - Các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; Các khoản tiền bên nhận ủy thác nhận của các bên liên quan để thanh toán theo chỉ định trong giao dịch ủy thác xuất nhập khẩu;
 - Các khoản phải trả không mang tính thương mại như phải trả do mượn tài sản, phải trả về tiền phạt, bồi thường, tài sản thừa chờ xử lý, phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ...

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tồn thất có khả năng chắc chắn xảy ra, kế toán ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

Các khoản phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại cuối kỳ khi lập Báo cáo tài chính. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản phải trả có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch (do Công ty tự lựa chọn khi giao dịch với đối tượng phải trả).

9. Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay

Các khoản vay có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay (ngoài lãi vay phải trả), như chi phí thẩm định, kiểm toán, lập hồ sơ vay vốn... được hạch toán vào chi phí tài chính. Trường hợp các chi phí này phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa.

Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

10. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng TSCĐ, BĐSĐT, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng:

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ.

Các khoản chi phí phải trả phải sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế sẽ được hoàn nhập.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

a. Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

b. Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng thành viên phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

a. Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

b. Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
 - Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
 - Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
 - Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó
- Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

c. Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

d. Thu nhập khác

Phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, bao gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ;
- Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản;
- Các khoản thuế phải nộp khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ nhưng sau đó được giảm, được hoàn (thuế xuất khẩu được hoàn, thuế GTGT, TTĐB, BVMT phải nộp nhưng sau đó được giảm);
- Thu tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất (ví dụ thu tiền bảo hiểm được bồi thường, tiền đền bù đi đời cơ sở kinh doanh và các khoản có tính chất tương tự);
- Thu tiền được phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng;
- Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.

14. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ, gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì Công ty ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính, kế toán coi

đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu, trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước).

- Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

15. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho.

Đối với phần giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại thì được ghi giảm giá vốn hàng bán.

Các khoản chi phí giá vốn hàng bán không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

16. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản chi phí tài chính không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

17. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí bán hàng bao gồm: Các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: Các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...)

Các khoản chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

19. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

a. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

b. Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm Ban Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: đồng

1 . Tiền	31/12/2017		01/01/2017	
	Tiền mặt tại quỹ -	1.601.499.232		1.520.438.519
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.493.500.302		10.294.778.857	
Tiền gửi có thời gian đáo hạn dưới 3 tháng	8.000.000.000		7.000.000.000	
Cộng	14.094.999.534		18.815.217.376	

2 . Đầu tư tài chính ngắn hạn	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
- Tiền gửi có thời gian đáo hạn trên 3 tháng	5.000.000.000	5.000.000.000		
Cộng	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-

3 . Phải thu khách hàng ngắn hạn	31/12/2017		01/01/2017	
	a) Phải thu khách hàng	7.429.159.133		8.732.566.754
- Công ty cổ phần luyện gang Vạn Lợi	1.460.076.232		1.460.076.232	
- Nhà máy gạch Granit COSECO Long Hải	574.426.301		574.426.301	
- Chi nhánh Công ty cổ phần GTTN - Nhà máy Luyện thép Lưu Xí	679.140.000		1.014.750.000	
- Công ty TNHH TM & DV Sao đỏ	581.557.295		581.557.295	
- Cửa hàng VLXD Phú Lâm	-		902.149.876	
- Công ty TNHH Thuận Thắng	532.877.600		-	
- Phải thu khách hàng khác	3.601.081.705		4.199.607.050	
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	-		-	
Cộng	7.429.159.133		8.732.566.754	

4 . Trả trước người bán ngắn hạn	31/12/2017		01/01/2017	
	a) Trả trước cho người bán	2.472.709.262		3.073.743.194
- Công ty CP tư vấn thiết kế và xây dựng đô thị Việt Nam	156.000.000		-	
- Công ty TNHH một thành viên TM và DV An Thành Phát	-		326.778.253	
- Foshan Vikia Trading Co., Ltd	-		397.987.300	
- Công ty TNHH thiết bị gốm sứ Glisten Việt Nam	2.012.820		358.412.820	
- Công ty CP tư vấn, xây dựng công nghiệp và Hoạt động Khoáng	580.800.000		580.800.000	
- Hợp tác xã công nghiệp 19-8	204.007.500		-	
- Công ty cổ phần tư vấn đầu tư & XD Mở	802.816.655		719.045.455	
- Trả trước cho người bán khác	727.078.287		690.719.366	
b) Trả trước cho người bán là các bên liên quan	-		-	
Cộng	2.472.709.262		3.073.743.194	

5 . Phải thu ngắn hạn khác	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu khác	1.685.168.574	300.000.000	1.105.482.522	300.000.000
- CTCP Vật liệu Xây dựng Cồn Sơn (Cổ tức)	300.000.000	300.000.000	300.000.000	300.000.000
- Phải thu do chi âm Q/sỹ phúc lợi	1.047.269.773	-	580.266.373	-
- Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	134.000.355	-	-	-
- Khác	203.898.446	-	225.216.149	-
Tạm ứng	979.999.196	-	209.683.237	-
Dư nợ phải trả, phải nộp khác	244.980.017	-	155.720.127	-
- Bảo hiểm xã hội	191.019.499	-	108.159.635	-
- Bảo hiểm y tế	30.003.166	-	27.672.112	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	22.157.292	-	18.088.270	-
- Khác	1.800.060	-	1.800.060	-
Cộng	2.910.147.787	300.000.000	1.470.885.886	300.000.000

6 . Tài sản thiếu chờ xử lý	31/12/2017	01/01/2017
- Tài sản thiếu chờ xử lý (*)	321.497.100	321.497.100
Cộng	321.497.100	321.497.100

(*) Là giá trị hàng tồn kho thiếu khi Công ty thực hiện giải thể và sáp nhập Công ty TNHH MTV Vật liệu chịu lửa Sao Đỏ (Công ty con sở hữu 100% vốn) trong năm 2015.

7 . Hàng tồn kho	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên vật liệu	34.045.578.461	(1.015.444.017)	24.916.018.960	(1.306.728.590)
- Công cụ, dụng cụ	847.633.679	-	443.222.393	-
- Chi phí SXKD dở dang	795.866.525	-	589.494.334	-
- Thành phẩm	34.447.631.102	(294.567.862)	36.511.632.131	(866.632.347)
- Hàng hóa	3.601.024.886	(2.500.004.000)	2.519.440.101	(2.500.004.000)
Cộng	73.737.734.653	(3.810.015.879)	64.979.807.919	(4.673.364.937)

8 . Chi phí trả trước ngắn hạn	31/12/2017	01/01/2017
	- Chi phí cấp phép quyền khai thác khoáng sản	-
- Công cụ dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	60.945.000	127.117.331
Cộng	60.945.000	301.353.331

9 . Phải thu dài hạn khác	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
- Kỳ cược, ký quỹ dài hạn	3.307.174.127	-	3.209.330.542	-
Cộng	3.307.174.127	0	3.209.330.542	0

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị ĐCQL	Cộng
Nguyên giá TSCĐ					
Số dư đầu năm	13.651.457.312	212.330.529.998	10.582.005.382	351.402.276	236.915.394.968
Số tăng trong năm	-	1.065.590.581	1.558.590.364	-	2.624.180.945
<i>Mua trong năm</i>	-	<i>1.065.590.581</i>	<i>1.558.590.364</i>	-	<i>2.624.180.945</i>
Số giảm trong năm	-	330.000.000	82.725.258	-	412.725.258
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	<i>330.000.000</i>	-	-	<i>330.000.000</i>
<i>Giảm khác</i>	-	-	<i>82.725.258</i>	-	<i>82.725.258</i>
Số dư cuối năm	13.651.457.312	213.066.120.579	12.057.870.488	351.402.276	239.126.850.655
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	9.567.993.699	126.467.163.581	7.217.006.405	321.402.276	143.573.565.961
Số tăng trong năm	897.814.986	13.533.157.599	502.711.055	25.824.163	14.959.507.803
<i>Khấu hao trong năm</i>	<i>897.814.986</i>	<i>13.533.157.599</i>	<i>502.711.055</i>	<i>25.824.163</i>	<i>14.959.507.803</i>
Số giảm trong năm	-	330.000.000	13.021.219	-	343.021.219
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	<i>330.000.000</i>	-	-	<i>330.000.000</i>
<i>Giảm khác</i>	-	-	<i>13.021.219</i>	-	<i>13.021.219</i>
Số dư cuối năm	10.465.808.685	139.670.321.180	7.706.696.241	347.226.439	158.190.052.545
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	4.083.463.613	85.863.366.417	3.364.998.977	30.000.000	93.341.829.007
Tại ngày cuối năm	3.185.648.627	73.395.799.399	4.351.174.247	4.175.837	80.936.798.110

11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất (*)	Tài sản cố định vô hình khác	Đơn vị tính: đồng	
				Cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm		76.400.000		76.400.000
Số dư cuối năm	0	76.400.000		76.400.000
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm		76.400.000		76.400.000
Số cuối năm	0	76.400.000		76.400.000
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	0	-		0
Tại ngày cuối năm	0	-		0

12. Tài sản dở dang dài hạn

	31/12/2017	01/01/2017
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	2.984.707.608	-
- Dờ dang mua sắm máy móc thiết bị	1.275.710.000	-
- Dự án mở rộng Dây chuyền nhà máy gạch ốp lát	1.708.997.608	-
	<u>2.984.707.608</u>	<u>0</u>

13. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2017	01/01/2017
- Chi phí trả trước dài hạn khác	309.667.873	166.666.663
Cộng	<u>309.667.873</u>	<u>166.666.663</u>

14 . Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số cơ khả năng trả nợ	Giá gốc	Số cơ khả năng trả nợ
a) Phải trả người bán ngắn hạn	42.140.469.763	42.140.469.763	37.893.551.285	37.893.551.285
- China tiancheng group limited	0	0	2.491.264.167	2.491.264.167
- Công ty TNHH Fritta Việt Nam	1.313.656.260	1.313.656.260	2.190.848.260	2.190.848.260
- Cty TNHH than Hưng Thịnh Phát	7.017.636.125	7.017.636.125	3.385.284.416	3.385.284.416
- Cty TNHH MTV Hoàng Thành Sao Đỏ	9.102.683.754	9.102.683.754	10.423.257.871	10.423.257.871
- Stone trading Limited	2.867.729.300	2.867.729.300	0	0
- Phải trả người bán ngắn hạn khác	21.838.764.324	21.838.764.324	19.402.896.571	19.402.896.571
b) Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-	-	-
c) Phải trả người bán là các bên liên quan	-	-	-	-
Cộng	42.140.469.763	42.140.469.763	37.893.551.285	37.893.551.285

15 . Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2017	01/01/2017
a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn	1.839.353.071	4.032.270.782
- Công ty TNHH một thành viên TM và DV An Thành Phát	-	258.812.126
- Công ty cổ phần vận tải và xây dựng Đại Phong	-	542.966.800
- Công ty cổ phần gạch cổ Bát Tràng Hà Giang	-	271.073.500
- Chi nhánh Công ty TNHH TM Gia Phong tại Thái Nguyên	-	247.460.500
- Công ty TNHH Hưng Hằng	100	313.834.100
- Công ty cổ phần SX & TM Lam Sơn	127.446.600	-
- Công ty TNHH Gạch Tuyenel Minh Du	100.000.000	-
- Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Mạnh Ngân	-	317.096.900
- Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ Việt Phúc Đức	-	304.471.000
- Cửa hàng VLXD Lê Thành	286.825.579	23.072.885
- Công ty TNHH Thiên Kế	94.966.118	13.798
- Cửa Hàng VLXD Hưng Hồng	118.849.900	16.876.400
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	1.111.264.774	1.736.592.773
b) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan	-	-
Cộng	1.839.353.071	4.032.270.782

16 . Thuế và các khoản phải thu, phải nộp nhà nước

	01/01/2017				31/12/2017	
	Phải thu	Phải nộp	Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	Phải thu	Phải nộp
Thuế GTGT	-	1.292.244.065	12.179.125.671	12.785.794.934	-	685.574.802
Thuế XNK	-	66.541.230	324.707.391	384.199.556	-	7.049.065
Thuế TNDN	-	1.350.345.938	2.647.098.582	3.683.703.506	-	313.741.014
Thuế TNCN	28.384.562	-	110.773.652	31.702.042	-	50.687.048
Thuế tài nguyên	-	108.334.870	732.210.022	677.386.450	-	163.158.442
Thuế đất	446.831.000	-	1.602.614.632	1.602.614.632	446.831.000	-
Thuế khác	-	19.978.515	277.844.119	289.733.104	-	8.089.550
Cộng	475.215.562	2.837.444.618	17.874.374.069	19.455.134.224	446.831.000	1.228.299.961

(*) Trong đó:

- Chi phí thuế TNDN phát sinh trong kỳ: 2.647.098.582

2.647.098.582

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

17 . Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2017	01/01/2017
Chi phí lãi vay phải trả	39.415.090	160.834.853
Phải trả thù lao HĐQT, BKS	186.000.000	-
Chi phí bồi dưỡng độc hại	140.070.358	134.682.052
Cộng	365.485.448	295.516.905

18 . Phải trả ngắn hạn khác	31/12/2017	01/01/2017
- Kinh phí công đoàn	210.237.216	106.786.177
- Nhận ký cược, ký quỹ ngắn hạn	200.000.000	200.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác:	706.721.127	689.703.876
+ Phải trả về cổ tức	615.359.714	615.359.714
+ Các khoản phải trả, phải nộp khác	91.361.413	74.344.162
Cộng	1.116.958.343	996.490.053

19 . Vay và nợ thuê tài chính	31/12/2017	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	01/01/2017
19.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	7.905.200.000	21.573.152.110	25.682.537.237	12.014.585.127
Vay ngắn hạn	-	13.667.952.110	17.767.537.237	4.099.585.127
a) Vay ngắn hạn (VND)	-	13.667.952.110	17.767.537.237	4.099.585.127
<i>BIDV - CN Bắc Hải Dương</i>	-	13.667.952.110	17.147.537.237	3.479.585.127
<i>Ông Đặng Văn Việt</i>	-	-	620.000.000	620.000.000
b) Nợ dài hạn đến hạn trả	7.905.200.000	7.905.200.000	7.915.000.000	7.915.000.000
<i>BIDV - CN Bắc Hải Dương</i>	7.905.200.000	7.905.200.000	7.915.000.000	7.915.000.000
<i>(1)</i>				
19.2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	12.779.103.400	-	7.905.200.000	20.684.303.400
Vay dài hạn	12.779.103.400	-	7.905.200.000	20.684.303.400
- Vay dài hạn (VND)	12.779.103.400	-	7.905.200.000	20.684.303.400
<i>BIDV - CN Bắc Hải Dương</i>	12.779.103.400	-	7.905.200.000	20.684.303.400
<i>(1)</i>				

(1) Hợp đồng tín dụng số 01/2015/219089/HĐTD ngày 23/01/2015 giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hải Dương và Công ty Cổ phần. Số tiền vay tối đa là 775.000.000 đồng, mục đích vay: Đầu tư ô tô Camry 2.5Q, 05 chỗ. Lãi suất: 10,5%/năm và sau đó được điều chỉnh 3 tháng/lần theo lãi suất của Ngân hàng quy định. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay;

Hợp đồng tín dụng số 02/2015/219089/HĐTD ngày 03/04/2015 giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hải Dương và Công ty Cổ phần. Số tiền vay tối đa là 14.700.000.000 đồng, mục đích vay: Đầu tư nâng cấp, mở rộng lò tuynel sản xuất gạch chịu lửa công suất 12.000 tấn/năm. Lãi suất: 10,5%/năm và sau đó được điều chỉnh 3 tháng/lần theo lãi suất của Ngân hàng quy định. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành trên thửa đất theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AL 569029, vào sổ số T01211 do UBND tỉnh Hải Dương cấp ngày 21/07/2008 theo hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 219089B/10/HĐTCBĐS ký kết ngày 06/07/2010, công chứng ngày 08/07/2010, máy móc thiết bị hình thành từ dự án vay vốn Đầu tư nâng cấp, mở rộng lò tuynel sản xuất gạch chịu lửa công suất 12.000 tấn/năm theo Hợp đồng thế chấp là máy móc thiết bị hình thành trong tương lai số 02/2015/219089/HĐBĐ ngày 08/04/2015.

Hợp đồng tín dụng số 03/2015/219089/HĐTD ngày 26/11/2015 giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hải Dương và Công ty Cổ phần. Số tiền vay tối đa là 24.465.000.000 đồng, mục đích vay: Đầu tư, cải tạo nâng cấp 2 dây chuyền sản xuất gạch ốp, lát, lãi suất: 10%/năm và sau đó được điều chỉnh 3 tháng/lần theo lãi suất của Ngân hàng quy định. Tài sản đảm bảo theo Hợp đồng thế chấp số 219089B/10/HĐTCBĐS ngày 06/07/2010, số 219089A/10/HĐTCBĐS ngày 06/07/2010, số 02/2009/HĐTC ngày 23/11/2009, số 01/2010/HĐTC ngày 06/07/2010.

20 . Dự phòng phải trả	31/12/2017	01/01/2017
- Dự phòng phải trả dài hạn	24.304.058.322	23.920.815.274
+ Dự phòng phải trả Chi phí hoàn nguyên môi trường (*)	24.304.058.322	23.920.815.274
Cộng	24.304.058.322	23.920.815.274

(*) Căn cứ trên báo cáo sản lượng khai thác đất trong từng tháng, Công ty thực hiện trích trước chi phí hoàn nguyên môi trường theo đơn giá hoàn thổ 45.000 đồng/m³ và tỷ lệ quy đổi tương đương giữa đơn vị tấn và đơn vị m³ đất.

21 . Vốn chủ sở hữu

21.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu (Chi tiết tại phụ lục số 01 trang 30)

21.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	31/12/2017	01/01/2017
Tổng Công ty Thép Việt Nam	22.060.000.000	22.060.000.000
Các cổ đông khác	32.940.000.000	32.940.000.000
Cộng	55.000.000.000	55.000.000.000

21.3. Các giao dịch về vốn với các CSH và phân phối cổ tức, lợi nhuận.

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	55.000.000.000	55.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	55.000.000.000	55.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

21.4. Cổ phiếu

	31/12/2017	1/1/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.500.000	5.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra ngoài công chúng	5.500.000	5.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.500.000	5.500.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	27.232	27.232
- Cổ phiếu phổ thông	27.232	27.232
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.472.768	5.472.768
- Cổ phiếu phổ thông	5.472.768	5.472.768
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000	10.000

21.5. Các quỹ của doanh nghiệp:

	31/12/2017	1/1/2017
- Quỹ đầu tư phát triển	600.000.000	600.000.000

21.6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	31/12/2017	1/1/2017
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	10.342.394.330	7.293.185.431
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	10.342.394.330	7.293.185.431
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	5.472.768	5.472.768
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.890	1.333

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Đơn vị tính: Đồng

	Năm nay	Năm trước
1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu		
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	350.545.433.173	353.914.405.397
Cộng	<u>350.545.433.173</u>	<u>353.914.405.397</u>
2. Giá vốn hàng bán		
- Giá vốn hàng bán và dịch vụ đã cung cấp	311.073.761.604	315.446.184.838
Cộng	<u>311.073.761.604</u>	<u>315.446.184.838</u>
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	280.507.567	94.935.372
- Lãi chênh lệch tỷ giá	270.711.779	59.055.682
- Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán		94.948.858
- Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ	717.612	
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	97.843.585	
Cộng	<u>649.780.543</u>	<u>248.939.912</u>
4. Chi phí tài chính		
- Lãi tiền vay	2.625.374.727	3.093.750.168
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	-	(217.640.245)
- Lỗ chênh lệch tỷ giá trong năm	179.866.485	500.015.950
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ	18.457.671	88.974.020
Cộng	<u>2.823.698.883</u>	<u>3.465.099.893</u>
5. Chi phí bán hàng		
- Chi phí nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ	605.839.728	484.177.169
- Chi phí nhân công	2.895.972.714	1.913.422.337
- Chi phí khấu hao TSCĐ	326.502.264	283.628.464
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.777.761.590	2.647.264.742
- Chi phí bằng tiền khác	570.843.726	1.853.477.908
Cộng	<u>6.176.920.022</u>	<u>7.181.970.620</u>
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
- Chi phí nhân công	8.703.902.849	10.205.145.299
- Chi phí nguyên vật liệu	830.614.310	733.129.468
- Chi phí KHTSCĐ	447.985.621	505.897.555
- Thuế, phí và lệ phí	1.469.714.648	1.210.565.874
- Hoàn nhập/trích lập dự phòng	(19.000.000)	113.954.081
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.219.226.455	3.562.057.505
- Chi phí bằng tiền khác	2.098.514.096	1.873.226.265
Cộng	<u>16.750.957.979</u>	<u>18.203.976.047</u>

	Năm nay	Năm trước
7 . Thu nhập khác		
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ		445.454.546
- Thu nhập từ thanh lý phế phẩm	412.185.400	745.234.200
- Thu từ nhận lại hàng thừa khi kiểm kê		650.444.820
- Các khoản khác	675.936.276	355.483.115
Cộng	1.088.121.676	2.196.616.681
8 . Chi phí khác		
- Lỗ thanh lý tài sản cố định (Xe tải bị cháy)	69.704.039	
- Hoàn nhập dự phòng hàng tồn kho bán được trong kỳ	(527.376.827)	
- Các khoản phạt	0	1.172.768.091
- Chi phí phân loại lại gạch và xử lý vật tư tồn kho	169.814.485	359.537.298
- Chi phí trong giai đoạn ngừng để sửa chữa TSCĐ theo kế hoạch	2.731.542.295	822.974.132
- Chi phí khác		266.270.259
Cộng	2.443.683.992	2.621.549.780
9 . Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
a. Lợi nhuận trước thuế	12.989.492.912	9.409.673.812
b. Các khoản điều chỉnh tăng (+), giảm (-) lợi nhuận tính thuế	246.000.000	1.172.768.091
- Các khoản điều chỉnh tăng	246.000.000	1.172.768.091
+ Chi phí khác không hợp lý hợp lệ	246.000.000	1.172.768.091
- Các khoản điều chỉnh giảm		
c. Thu nhập tính thuế TNDN (a)+(b)	13.235.492.912	10.582.441.903
d. Thuế TNDN = ((c)*thuế suất thuế TNDN)	2.647.098.582	2.116.488.381
10 . Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	239.848.663.067	243.841.683.062
Chi phí nhân công	51.051.589.869	51.234.807.513
Chi phí khấu hao tài sản cố định	14.959.507.803	13.538.567.141
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.928.338.275	26.199.895.994
Chi phí khác bằng tiền	7.213.540.591	5.908.679.284
Cộng	334.001.639.605	340.723.632.994

VII . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1 . Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin khác:

Không phát sinh bất kỳ khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa ghi nhận.

2 . Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không phát sinh bất kỳ sự kiện nào có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.

3 . Thông tin về các bên liên quan

3.1 Danh sách các bên liên quan

Bên liên quan	Địa điểm	Mối quan hệ
Tổng Công ty Thép Việt Nam	Hà Nội	Cổ đồng sáng lập

3.2 Trong kỳ, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan như sau:

Thu nhập Ban Giám đốc, Thủ lao HĐQT, ban Kiểm soát năm 2017:

TT	Bộ phận	Thu nhập
1	Thủ lao HĐQT, ban Kiểm soát	306000000
2	Thu nhập Ban Tổng Giám đốc	976800000
3	Thu nhập Kế toán trưởng	184800000
Cộng		1.467.600.000

4. Báo cáo bộ phận

Công ty không lập báo cáo bộ phận vì không thỏa mãn 1 trong 3 điều kiện phải lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hay khu vực địa lý được quy định tại thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 26/3/2006 của Bộ Tài chính v/v hướng dẫn thực hiện (06) chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/2/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

5. Công cụ tài chính

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2017		1/1/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và tương đương tiền	14.094.999.534	-	18.815.217.376	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	9.114.327.707	-	9.838.049.276	-
Cộng	28.209.327.241	-	28.653.266.652	-
			Giá trị sổ kế toán	
			31/12/2017	1/1/2017
			VND	VND
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán và phải trả khác			43.257.428.106	38.890.041.338
Chi phí phải trả			365.485.448	295.516.905
Các khoản vay			20.684.303.400	32.698.888.527
Cộng			64.307.216.954	71.884.446.770

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác phần lớn xấp xỉ với giá trị ghi sổ do kỳ hạn ngắn hạn của những công cụ này.
- Giá trị hợp lý của các khoản vay có lãi suất cố định hoặc thả nổi không xác định được đo không có đủ thông tin để áp dụng các mô hình định giá phù hợp.
- Ngoại trừ các khoản nêu trên, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy định kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với khách hàng lớn.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Từ 01 đến 05 năm	Cộng
Số cuối kỳ (31/12/2017)			
Các khoản vay	-	12.779.103.400	12.779.103.400
Phải trả người bán	42.140.469.763	-	42.140.469.763
Chi phí phải trả	365.485.448	-	365.485.448
Phải trả khác	1.116.958.343	-	1.116.958.343
Số đầu kỳ (01/01/2017)			
Các khoản vay	4.099.585.127	20.684.303.400	24.783.888.527
Phải trả người bán	37.893.551.285	-	37.893.551.285
Chi phí phải trả	295.516.905	-	295.516.905
Chi phí phải trả nội bộ	-	-	-
Phải trả khác	996.490.053	-	996.490.053

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 03 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Ngoại tệ có rủi ro này chủ yếu là đồng Đô la Mỹ (USD).

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các giao dịch trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty giám sát các rủi ro đối với các tài sản và nợ phải trả tài chính bằng ngoại tệ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định các chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

6. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công TNHH Hãng kiểm toán AASC.

7. Thông tin về hoạt động liên tục

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể qui mô hoạt động của mình.

8. Phê duyệt Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty Cổ phần Trúc Thôn được Tổng Giám đốc phê duyệt đề ban hành vào ngày 07/02/2018.

Hải Dương, ngày 07 tháng 02 năm 2018

Người lập biểu

Nguyễn Thị Hoa

Kế toán trưởng

Dương Thị Quyên



107
IGT
KINH
TOA
ĐỊNH
T.N.
JAN

CÔNG TY CỔ PHẦN TRÚC THÔN

Thôn Trúc, phường Cộng Hòa, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Phụ lục số 01: Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: đồng

Khoản mục	Vốn góp của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Chênh lệch tỷ giá	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	55.000.000.000	3.700.000.000	(272.320.000)	600.000.000		516.366.245	59.544.046.245
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	7.293.185.431	7.293.185.431
Số dư đầu năm nay	55.000.000.000	3.700.000.000	(272.320.000)	600.000.000	0	7.809.551.676	66.837.231.676
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	10.342.394.330	10.342.394.330
Số dư cuối năm nay	55.000.000.000	3.700.000.000	(272.320.000)	600.000.000	0	18.151.946.006	77.179.626.006



Số: 184 /BC-BKS

Hải Dương, ngày 12 tháng 4 năm 2018

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018**

Kính thưa các Quý vị đại biểu tham dự Đại hội.

Kính thưa các Quý vị cổ đông!

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát (BKS) theo Luật Doanh nghiệp 2014 và Điều lệ Công ty cổ phần Trúc Thôn (Công ty), BKS Công ty trân trọng báo cáo Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) kết quả kiểm tra, giám sát năm 2017 và kế hoạch hoạt động năm 2018 như sau:

A. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2017

Trong năm 2017, BKS đã bám sát Nghị quyết số 40/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12/04/2017 của ĐHĐCĐ Công ty, xây dựng chương trình hoạt động để triển khai các công tác, cụ thể như sau:

- Kiểm tra việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ và ngành nghề kinh doanh theo chức năng nhiệm vụ được phê duyệt trong Điều lệ Công ty và các kế hoạch ngắn, trung và dài hạn của Công ty;

- Kiểm tra tiến độ và kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh quý, 6 tháng, cả năm của Công ty;

- Thực hiện giám sát nội dung, phạm vi, tiến độ, kết quả kiểm toán Báo cáo tài chính 06 tháng, báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty theo hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán đã ký với Công ty TNHH Kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam (AVA).

- Thẩm định Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo tài chính năm 2017; Báo cáo công tác quản lý, điều hành năm 2017 của Công ty; Thông qua Báo cáo của BKS về kết quả công tác kiểm tra giám sát năm 2017 trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 Công ty.

- Tham dự các phiên họp thường kỳ của HĐQT và các phiên họp giao ban tháng của Ban điều hành để nắm bắt tình hình và làm cơ sở cho việc giám sát hoạt động quản trị, điều hành của Công ty.

- Giám sát và tham gia đóng góp ý kiến xây dựng, hoàn thiện các Quy chế quản trị nội bộ của Công ty theo Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp 2014.

B. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC NĂM 2017.

I. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty

Qua công tác giám sát các hoạt động quản trị của Công ty, công tác thẩm định BCTC năm 2017 của Công ty, BKS có một số nhận xét, đánh giá như sau:

1. Tình hình hoạt động của Công ty

Năm 2017 tình hình sản xuất tiêu thụ gạch men, gạch chịu lửa đã có chuyển biến tích cực, năng lực trình độ quản lý, tay nghề của cán bộ và người lao động đã dần được cải thiện... Tuy nhiên hoạt động SXKD năm 2017 của Công ty vẫn gặp nhiều khó khăn do cạnh tranh của thị trường, sản phẩm gạch men của Công ty không đa dạng, sản phẩm đơn điệu (chỉ có gạch cấp thấp, kích thước nhỏ...). Mặc dù sản lượng gạch ốp lát chưa đạt kế hoạch do cơ cấu sản phẩm thay đổi theo nhu cầu thị trường, nhưng các chỉ tiêu về năng suất cũng như chất lượng sản phẩm đã tăng hơn so với kế hoạch và so với năm 2016.

Về sản phẩm gạch chịu lửa đã tăng được sản lượng, tuy nhiên việc phát triển thị trường tiêu thụ gạch có chất lượng cao như gạch chịu lửa sa-môt A; gạch chịu lửa cao nhôm còn hạn chế...;

Trong năm 2017, các mặt hoạt động của Công ty nói chung đã đạt được những kết quả khả quan. Tuy doanh thu chưa đạt kế hoạch, nhưng lợi nhuận đã tăng hơn năm trước. Với điều kiện môi trường SXKD còn khó khăn, kết quả đạt được đã phản ánh sự nỗ lực, cố gắng và thành công của tập thể Lãnh đạo và người lao động toàn Công ty trong việc triển khai các nội dung Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đề ra .

2. Công tác lập và kiểm toán báo cáo tài chính

Qua thẩm định các Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam (AVA). BKS xin báo cáo kết quả thẩm định như sau:

- Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty đã được lập trên cơ sở lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán, thực hiện các đánh giá ước tính một cách hợp lý, thận trọng và tuân thủ các quy định, các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam;

- Báo cáo tài chính năm 2017 đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2017 bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày;

- Báo cáo tài chính đã được trình bày rõ ràng các thông tin về các sự kiện trong năm tài chính 2017 theo đúng Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam. Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam (AVA) và không có ý kiến ngoại trừ của kiểm toán.

3. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

BKS thống nhất về các số liệu kết quả kinh doanh đã được thể hiện trong Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam (AVA).

Các chỉ tiêu chủ yếu về kết quả kinh doanh của Công ty trong năm tài chính 2017 theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán như sau:

Chỉ tiêu	TH 2016	TH 2017	TH 2017/ TH 2016
Doanh thu thuần BH & CCDV	353.883	350.521	99%
Giá vốn hàng bán	315.446	311.074	98,6%
LN gộp về BH và CCDV	38.437	39.447	102,6%
Doanh thu hoạt động tài chính	249	650	261%
Chi phí tài chính	3.465	2.824	81,5%
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>3.094</i>	<i>2.625</i>	84,8%
Chi phí bán hàng	7.182	6.177	86%
Chi phí quản lý	18.204	16.751	92%
LN thuần từ hoạt động kinh doanh	9.835	14.345	145,8%
Thu nhập khác	2.197	1.088	49,5%
Chi phí khác	2.621	2.443	93,2%
Lợi nhuận khác	(424)	(1.355)	32%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	9.409	12.989	138%

Số liệu kết quả kinh doanh năm 2017 của Công ty lãi trước thuế 12,9 tỷ đồng đạt 144% kế hoạch lợi nhuận năm do Đại hội đồng cổ đông giao, tăng 38% so với thực hiện năm 2016. Chi tiết các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

- Doanh thu bán hàng năm 2017 là 350 tỷ đồng, bằng 99% so với thực hiện năm trước; Giá vốn hàng bán năm 2017 bằng 98,6% so với thực hiện năm trước, nên lợi nhuận gộp năm 2017 bằng 102,6% so với năm 2016.

- Chi phí tài chính năm 2017 là 2,8 tỷ đồng, bằng 81% so với thực hiện năm trước, trong đó chi phí lãi vay 2,6 tỷ đồng.

- Chi phí bán hàng, Chi phí quản lý là 22,9 tỷ đồng, bằng 90% so với thực hiện năm trước, số chi phí này chủ yếu phục vụ công tác quản lý của Công ty.

- Năm 2017 Công ty đạt được kết quả kinh doanh như trên là do Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty đã có nhiều giải pháp quyết liệt, kịp thời về công tác quản trị, điều hành, đưa ra các giải pháp nâng cao hiệu quả trong SXKD của Công ty.

4. Công tác đầu tư phát triển

Năm 2017 HĐQT, Ban điều hành Công ty đã bám sát mục tiêu nhiệm vụ mà Nghị quyết đại hội đề ra, tập trung đầu tư nâng cấp một số tài sản thiết bị thực sự cần thiết phục vụ cho nhu cầu sản xuất của Công ty, do vậy các dự án khi hoàn thành đưa vào sử dụng đã đạt năng suất, chất lượng phát huy hiệu quả trong quá trình đầu tư, góp phần tăng hiệu quả trong SXKD của Công ty.

Trong quá trình đầu tư Công ty đã tuân thủ các quy định của Nhà nước về quản lý đầu tư như lập dự án, thẩm định, thẩm tra phê duyệt các dự án, bố trí huy động đủ vốn cho dự án, phê duyệt quyết toán dự án, tăng tài sản và khấu hao theo quy định.

II. Kết quả giám sát công tác quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc

- Qua quá trình giám sát các hoạt động quản trị, điều hành của HĐQT và Ban điều hành Công ty năm 2017; BKS thấy rằng các thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý đã có sự nỗ lực rất lớn trong công tác chỉ đạo, điều hành thực hiện Nghị quyết số 40/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12/04/2017 của ĐHĐCĐ và Kế hoạch SXKD 2017 của Công ty. Các quyết định trong hoạt động quản trị, điều hành của HĐQT, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định tại Điều lệ Công ty.

- Hội đồng quản trị đã tổ chức và duy trì đều đặn các phiên họp định kỳ hàng quý, các phiên họp HĐQT mở rộng để nắm bắt và chỉ đạo kịp thời hoạt động sản xuất kinh doanh đối với các đơn vị ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả hoạt động của Công ty. Ngoài ra để ban hành các Nghị quyết, Quyết định chỉ đạo sản xuất kinh doanh kịp thời, HĐQT thường xuyên lấy ý kiến các thành viên HĐQT dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Trong các phiên họp HĐQT nói riêng và hoạt động HĐQT nói chung, các thành viên HĐQT tham gia đầy đủ, đã làm việc với tinh thần trách nhiệm cao để đưa ra các Nghị quyết, Quyết định kịp thời để định hướng chỉ đạo sản xuất kinh doanh theo đúng Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên 2017 và quy định của pháp luật.

Thông qua công tác giám sát, BKS đã có những kiến nghị, đề xuất với HĐQT để đưa ra các quyết sách kịp thời nhằm tăng cường công tác quản lý, đầu tư phát triển và ổn định sản xuất kinh doanh.

III. Về sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác

Trong năm 2017, BKS đã phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác trên nguyên tắc vì lợi ích của Công ty, của cổ đông theo đúng các quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác đã cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty, tạo điều kiện cho công tác kiểm soát được thuận lợi. Trưởng BKS được mời tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT. BKS đã tích cực tham gia đóng góp ý kiến trong công tác quản lý, điều hành của HĐQT, TGD và nhiều ý kiến đã được HĐQT, TGD tiếp nhận và chỉ đạo kịp thời.

IV. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát

Trên cơ sở quyền và nhiệm vụ đã quy định tại Điều lệ Công ty, với kết quả hoạt động năm 2017, BKS tự đánh giá như sau:

- BKS đã phát huy tốt chức năng của mình trong việc giám sát HĐQT, Ban điều hành trong việc quản trị và điều hành Công ty;

- BKS đã hoàn thành tốt việc thẩm định Báo cáo tài chính năm 2017 theo Chuẩn mực kế toán được Công ty TNHH Kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam (AVA) kiểm toán;

- Qua thực hiện nhiệm vụ BKS đã có các đề xuất, kiến nghị với HĐQT để tăng cường công tác quản trị, kiểm soát nội bộ đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty. Các đề xuất, kiến nghị của BKS đã được HĐQT, Tổng Giám đốc quan tâm chỉ đạo, thực hiện.

- BKS đã hoạt động theo đúng quyền hạn và trách nhiệm quy định trong Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của BKS. Các quyết định, báo cáo của BKS đã được ban hành đúng trình tự, thủ tục theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

- Trong các phiên họp và hoạt động của BKS, các thành viên BKS đều làm việc tích cực với tinh thần trách nhiệm, đóng góp các ý kiến quan trọng, tuân thủ đúng Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của BKS để BKS đưa ra các quyết định kịp thời và hoàn thành tốt nhiệm vụ được ĐHCĐ giao.

C. ĐỀ XUẤT VÀ KIẾN NGHỊ

- Tiếp tục triển khai thực hiện Dự án đầu tư dây chuyền sản xuất gạch Granit cao cấp, công suất 4 triệu m²/năm. Trong quá trình đầu tư các Dự án cần tuân thủ các quy định về đấu thầu, lựa chọn thiết bị; song đồng thời phải đảm bảo hiệu quả của Dự án. Tập trung đẩy nhanh tiến độ thực hiện các gói thầu để sớm đưa Dự án vào hoạt động.

- Cần cân đối vốn cho đầu tư hợp lý, không dùng vốn ngắn hạn cho đầu tư dài hạn. Tăng cường công tác thu đòi công nợ để giảm nợ phải thu, không để phát sinh nợ quá hạn, khó đòi.

- Trong quá trình tăng vốn điều lệ, sử dụng vốn cho đầu tư cần tuân thủ các quy định của pháp luật: Báo cáo UBCKNN, sửa đổi điều lệ và ĐKKD.

- Đẩy mạnh công tác sáng kiến hợp lý hóa trong sản xuất, tiết kiệm chi phí, giảm giá thành sản phẩm mang lại hiệu quả cho Công ty.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác quảng bá tiếp thị giới thiệu sản phẩm mở rộng thị trường trong và ngoài nước để tiêu thụ sản phẩm.

Trên đây là Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát năm 2017 được các thành viên BKS nhất trí thông qua, kính trình Đại hội đồng cổ đông./.

Nơi nhận:

- Các cổ đông của CTy;
- Các thành viên HĐQT;
- Ban Tổng giám đốc;
- Lưu: BKS, TK CTy.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

**CÔNG TY
CỔ PHẦN
TRÚC THON**



Nguyễn Văn Khải



CÔNG TY CỔ PHẦN TRÚC THÔN
Thành viên của TCty Thép Việt Nam - CTCP
Địa chỉ: Cộng Hoà - Chí Linh - Hải Dương
Tel.: +84 3203 882243 Fax: +84 3203 883163
E-mail: tructhon@tructhon.com.vn Website: tructhon.com.vn

Số: 188 /TTr- HĐQT

Hải Dương, ngày 12 tháng 4 năm 2018

TỜ TRÌNH

V/v bổ sung, sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/6/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010;

Căn cứ quy định của pháp luật hiện hành, đặc biệt là những nội dung yêu cầu mới trong công tác quản trị quản trị, điều hành tại Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và quy định tại Thông tư 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính.

Trên cơ sở rà soát Điều lệ hiện hành của Công ty đã được ĐHĐCĐ thường niên thông qua ngày 22/4/2016, Hội đồng Quản trị xét thấy cần thiết phải sửa đổi Điều lệ hiện hành cho phù hợp với quy định pháp luật và các yêu cầu quản trị, điều hành.

(Nội dung sửa đổi Điều lệ theo phụ lục đính kèm)

Điều lệ được sửa đổi sẽ có hiệu lực áp dụng từ ngày được ĐHĐCĐ thông qua; đồng thời giao cho Người đại diện theo pháp luật và Hội đồng quản trị ký ban hành.

Kính trình ĐHĐCĐ thông qua. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Lưu Tky Cty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Đặng Văn Việt

BẢN ĐỐI CHIẾU ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH VÀ DỰ THẢO ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI CÔNG TY CỔ PHẦN TRÚC THÔN

(Kèm theo Tờ trình số: 188/TTr-HĐQT ngày/2tháng 4 năm 2018)

1. Lý do sửa đổi: Công ty hiện là công ty niêm yết trên sàn Ucomp tại Sở GDCK Hà Nội. Tuân thủ, phù hợp với các nội dung tại Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng; đồng thời phù hợp Theo Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính. Phù hợp thực tế của Công ty.

2. Các ký hiệu dưới đây được hiểu như sau:

- Phần nội dung trong (...) * là giữ nguyên như Điều lệ cũ (năm 2016) hoặc các nội dung chi tiết khác không liệt kê vào bảng dưới đây, đề nghị Quý cổ đông theo dõi trong dự thảo Điều lệ mới (năm 2018) trên Website: tructhon.com.vn (mục quan hệ cổ đông → tài liệu DHĐCĐ năm 2018).

- Các cụm từ gạch chân là những nội dung bổ sung, sửa đổi.

- **Nghị định 71:** là Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

- **Thông tư 95:** là Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính .

3. Lưu ý:

- Thay tất cả các cụm từ "Cán bộ quản lý" trong Điều lệ cũ (2016) bằng cụm từ "Người điều hành doanh nghiệp" trong Điều lệ mới.

- Một số từ hoặc cụm từ của của Điều lệ mới thay cho Điều lệ cũ **không làm thay đổi bản chất của nội dung** cụm từ, do vậy không diễn giải chi tiết trong bảng dưới đây.

ST T	Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi	Lý do/ghi chú
	Điều 1. Giải thích thuật ngữ	Điều 1. Giải thích thuật ngữ	
1	Chưa quy định đầy đủ	(...)* <u>d. "Luật chứng khoán" là Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;</u>	<i>Bổ sung phù hợp luật hiện hành</i>
2	<u>d. "Cán bộ quản lý" là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các vị trí quản lý</u>	<u>f. "Người điều hành doanh nghiệp" là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, và người</u>	<i>Khoản 5, Điều 2, Nghị định 71</i>

ST T	Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi	Lý do/ghi chú
	khác trong Công ty được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.;	<u>điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty:</u>	
3	e. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định Khoản 17 điều 4 Luật doanh nghiệp	g. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán;	<i>Khoản 9, Điều 2, Nghị định 71</i>
4	Chưa quy định	h. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật chứng khoán	<i>Khoản 3, Điều 2, Nghị định 71</i>
5	Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở... của Công ty Khoản 4. Tổng giám đốc điều hành là đại diện theo pháp luật của Công ty.	<u>Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Cty</u> a. <u>Số lượng người đại diện theo pháp luật là một người. Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.</u> (...)* e. <u>Trường hợp vắng mặt tại Việt Nam...cử người khác làm đại diện theo pháp luật của Công ty.</u>	<i>Tách riêng điều khoản về người đại diện theo pháp luật theo Điều lệ mẫu tại Thông tư 95.</i>
6	Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập 1. Vốn điều lệ của Công ty là 55.000.000.000 đồng (bằng chữ: Năm mươi lăm tỷ đồng) Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 5.500.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần	Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập 1. <u>Vốn điều lệ của Công ty là 110.000.000.000 đồng (bằng chữ: Một trăm mười tỷ đồng).</u> Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành <u>11.000.000 (bằng chữ: Mười một triệu) cổ phần</u> với mệnh giá là 10.000 (bằng chữ: Mười ngàn) đồng/cổ phần.	<i>Công ty đã tăng vốn điều lệ từ 55 tỷ lên 110 tỷ đồng</i>
7	Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông	Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông	<i>Điểm c, d Khoản 2 Điều</i>

ST T	Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi	Lý do/ghi chú
	Chưa quy định	(...)*) <u>a. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</u> <u>b. Gửi phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.</u> (...)*)	<i>140 Luật doanh nghiệp</i>
8	Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông (...)*) 8. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông (...)*) 8. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	<i>Khoản 4 Điều 144 Luật doanh nghiệp</i>
9	Chưa quy định	Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị <u>Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng</u>	<i>Khoản 1, Điều 11, Nghị định 71</i>

ST T	Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi	Lý do/ghi chú
		<p>viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> a. <u>Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;</u> b. <u>Trình độ học vấn;</u> c. <u>Trình độ chuyên môn;</u> d. <u>Quá trình công tác;</u> e. <u>Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;</u> f. <u>Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;</u> g. <u>Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);</u> h. <u>Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);</u> i. <u>Các thông tin khác (nếu có).</u> 	
10	<p>Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị nhiều nhất là năm (05) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội</p>	<p>Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. (...)*</p> <p><u>Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên</u></p>	<p><i>Khoản 5 Điều 13, Nghị định 71</i></p>

ST T	Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi	Lý do/ghi chú
	<p>đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:</p>	<p><u>Hội đồng quản trị.</u></p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:</p> <p>(...)*</p> <p><u>f. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên bầu Hội đồng quản trị;</u></p> <p>(...)*</p>	
11	<p>5. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm....</p>	<p>Bổ quy định này.</p>	<p><i>Việc bầu bổ sung này bắt buộc phải đến ĐHĐCĐ gần nhất bầu ra phù hợp với quy định tại Khoản 3, Điều 156 LDN2014 hoặc tổ chức ĐHĐCĐ bất thường</i></p>
12	<p>Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>...</p> <p>Chưa quy định đầy đủ.</p>	<p>Điều 27. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>(...)*</p> <p><u>m. Quyết định quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua hiệu quả để bảo vệ cổ đông ;</u></p> <p><u>n. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ</u></p>	<p>- <i>Bổ sung nội dung Khoản 1, Điều 7, Nghị định 71 cho đầy đủ</i></p> <p>-</p>

ST T	Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi	Lý do/ghi chú
		<p><u>đồng thông qua quyết định;</u></p> <p><u>o.Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị Công ty lên Đại hội đồng cổ đông;</u></p> <p>(...)*</p>	
13	<p>Điểm e Khoản 4 Điều 25</p> <p>4. Những vấn đề phải được HĐQT phê chuẩn.</p> <p>...</p> <p>e. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;</p>	<p>Điểm e Khoản 3 Điều 27.</p> <p>3. Những vấn đề phải được HĐQT phê chuẩn.</p> <p>(...)*</p> <p>e. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh <u>và giá trị từ 10 % đến < 35% tổng giá trị tài sản trong báo cáo tài chính gần nhất;</u></p>	Làm rõ Điểm e của Điều lệ cũ.
14	<p>Điều 31. Thư ký Công ty</p> <p>Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một (hoặc nhiều) người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm.</p> <p>Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:</p> <p>1. <u>Tổ chức các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo lệnh của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;</u></p>	<p>Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty</p> <p>1. <u>Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.</u></p> <p>2. <u>Người phụ trách quản trị Công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:</u></p> <p>a. <u>Có hiểu biết về pháp luật;</u></p> <p>b. <u>Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;</u></p> <p>c. <u>Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng</u></p>	Khoản 1, Điều 18 Nghị định 71

ST T	Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi	Lý do/ghi chú
	<p>2. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;</p> <p>3. Tham dự các cuộc họp;</p> <p>4. Đảm bảo các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp.</p> <p>5. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.</p> <p>Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p>	<p><u>quản trị.</u></p> <p>3. <u>Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị Công ty tùy từng thời điểm.</u></p> <p>4. Người phụ trách quản trị Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a. <u>Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;</u></p> <p>b. <u>Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;</u></p> <p>c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;</p> <p>d. <u>Tham dự các cuộc họp;</u></p> <p>e. <u>Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;</u></p> <p>f. <u>Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;</u></p> <p>b. <u>Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.</u></p> <p>c. <u>Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;</u></p> <p>i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của</p>	

ST T	Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi	Lý do/ghi chú
		pháp luật và Điều lệ công ty.	
15	Điều 29. Cán bộ quản lý	Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp 1. (...)* <u>Người điều hành doanh nghiệp (...)*</u> 2. (...)* <u>Người điều hành doanh nghiệp (...)*.</u>	<i>Nghị định 71 thay cụm từ “Cán bộ quản lý” bằng cụm từ “Người điều hành doanh nghiệp”</i>
16	Điều 30. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc 1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan khác. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty. 2. Theo Điều 26 của Điều lệ này, Tổng giám đốc kiêm Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc không phải là Chủ tịch Hội đồng quản trị.	Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc <u>1. Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc đến năm 2020, sau thời gian đó Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng giám đốc; (...)*</u> 3. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau: (...)* <u>c. Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;</u> (...)* <u>i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.</u>	<i>Khoản 2 Điều 12 Nghị định 71</i>

ST T	Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi	Lý do/ghi chú
17	<p>Điều 32. Thành viên Ban kiểm soát</p> <p>Chưa quy định đầy đủ</p>	<p>Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên</p> <p>1. Việc xác định ứng viên và công bố thông tin ứng viên thực hiện tương tự quy định tại khoản 1 Điều 25 Điều lệ này. Cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục sáu tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các Kiểm soát viên. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) Kiểm soát viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) Kiểm soát viên; từ 30% trở lên được đề cử ba (03) ứng viên.</p> <p>2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ và Quy chế quản trị Công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.</p>	<p><i>Điều 19 Nghị định 71, đồng thời bổ sung một số nội dung Điều 32 của Điều lệ cũ (2016)</i></p>
18		<p>Điều 37. Kiểm soát viên</p> <p>1. (...)*</p> <p>2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các</p>	<p><i>Điều 20,21 Nghị định 71</i></p>

ST T	Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi	Lý do/ghi chú
		<p>trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty; b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty <u>trong ba (03) năm liên trước đó.</u> <p>3. (...) * Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát; b. Yêu cầu <u>Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác</u> cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo <u>Ban kiểm soát</u>; c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông. 	
19	Điều 33. Ban kiểm soát	<p>Điều 38. Ban kiểm soát</p> <ul style="list-style-type: none"> 1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau: <ul style="list-style-type: none"> a. <u>Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty;</u> b. <u>Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;</u> 	<i>Điều 22 Nghị định 71</i>

ST T	Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi	Lý do/ghi chú
		<ul style="list-style-type: none"> c. <u>Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông;</u> d. <u>Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</u> e. <u>Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp.</u> f. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. 	

Lưu ý: Đề nghị Quý cổ đông tham khảo chi tiết toàn văn nội dung Điều lệ cũ và dự thảo Điều lệ mới trên Website: truchon.com.vn (mục quan hệ cổ đông).

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM



Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DỰ THẢO

**ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY CỔ PHẦN TRÚC THÔN**

(Sửa đổi, bổ sung ngày 27/4/ 2018)

Hải Dương, tháng 4 năm 2018

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	5
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	5
Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....	5
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	5
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty	5
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	6
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY... 7	7
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty	7
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động	7
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP..... 7	7
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập.....	7
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu.....	8
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác.....	8
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần.....	8
Điều 10. Thu hồi cổ phần.....	9
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	9
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	9
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	9
Điều 12. Quyền của cổ đông.....	9
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông.....	10
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông	11
Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	12
Điều 16. Đại diện theo ủy quyền.....	13
Điều 17. Thay đổi các quyền.....	14
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	15
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	16
Điều 20. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.....	16
Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	18
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	19
Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	20
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	21
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ..... 21	21
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.....	21
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....	22

Điều 27. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị.....	23
Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	25
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	25
Điều 30. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	26
Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.....	28
Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty.....	29
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC.....	29
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý.....	29
Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp.....	30
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc.....	30
IX. BAN KIỂM SOÁT.....	31
Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên.....	31
Điều 37. Kiểm soát viên.....	31
Điều 38. Ban kiểm soát.....	32
X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC.....	33
Điều 39. Trách nhiệm căn trọng.....	33
Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	33
Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	34
XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ.....	35
Điều 42. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ.....	35
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....	35
Điều 43. Công nhân viên và công đoàn.....	35
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....	36
Điều 44. Phân phối lợi nhuận.....	36
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN.....	36
Điều 45. Tài khoản ngân hàng.....	36
Điều 46. Năm tài chính.....	36
Điều 47. Chế độ kế toán.....	37
XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	37
Điều 48. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý.....	37
Điều 49. Báo cáo thường niên.....	37
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY.....	37
Điều 50. Kiểm toán.....	37
XVII. CON DẤU.....	38
Điều 51. Con dấu.....	38
XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ.....	38

Điều 52. Chấm dứt hoạt động	38
Điều 53. Thanh lý.....	38
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	39
Điều 54. Giải quyết tranh chấp nội bộ	39
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	39
Điều 55. Điều lệ công ty	39
XXI. NGÀY HIỆU LỰC.....	40
Điều 56. Ngày hiệu lực	40
Chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty	

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông tổ chức chính thức vào ngày 27 tháng 4 năm 2018.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a. Công ty là Công ty Cổ phần Trúc Thôn
- b. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán và quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
- c. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014.
- d. "Luật chứng khoán" là Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;
- e. "Ngày thành lập" là ngày 30/12/2005 (ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu);
- f. "Người điều hành doanh nghiệp" là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;
- g. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán;
- h. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật chứng khoán.
- i. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 3 Điều lệ này;
- j. "Việt Nam" là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

2. Tên Công ty

- Tên tiếng Việt:

Công ty Cổ phần Trúc Thôn

- Tên tiếng Anh:

TrucThon Joint Stock Company

- Tên giao dịch: TrucThon Joint Stock Company

- Tên viết tắt: TRUCTHON JSC

3. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

4. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

- Địa chỉ: KDC Chúc Thôn, phường Cộng Hòa, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương, Việt Nam

- Điện thoại: (84) 0220 3882 243

- Fax: (84) 0220 3883 163

- E-mail: tructhon@tructhon.com.vn

- Website: www.tructhon.com.vn

5. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

6. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều 52, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

a. Số lượng người đại diện theo pháp luật là một người. Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

b. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật thực hiện theo Điều 14 của Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

c. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cư trú ở Việt Nam; trường hợp xuất cảnh ra nước ngoài thì phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác để thực hiện quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty. Trường hợp này, người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền.

d. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền mà người đại diện theo pháp luật của Công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật của Công ty trở lại làm việc tại Công ty hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Công ty.

e. Trường hợp vắng mặt tại Việt Nam quá ba mươi ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty thì Hội đồng quản trị cử người khác làm đại diện theo pháp luật của Công ty.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Khai thác, chế biến khoáng sản;
- Sản xuất gạch men, gốm sứ và các loại vật liệu xây dựng;
- Sản xuất các loại vật liệu chịu lửa;
- Sản xuất đất đèn;
- Sản xuất, kinh doanh các ngành nghề mà pháp luật không cấm.

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là:

Công ty cam kết phát triển trên một tầm nhìn dài hạn, bền vững và chuyên nghiệp hướng tới mục tiêu trở thành tập đoàn cung cấp các sản phẩm vật liệu xây dựng chất lượng cao, dịch vụ bán hàng tốt nhất nhằm đem lại quyền lợi tối ưu cho các cổ đông, người lao động, khách hàng, đối tác và cộng đồng.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác mà pháp luật không cấm và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là 110.000.000.000 đồng (bằng chữ: Một trăm mười tỷ đồng).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 11.000.000 (Mười một triệu) cổ phần với mệnh giá là 10.000 (Mười ngàn) đồng/cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Tất cả cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này đều là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo loại cổ phần này được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Công ty chính thức hoạt động theo hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0800064718 (số cũ 0403000366 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 30/12/2005). Căn cứ theo quy định tại Khoản 4, Điều 119 Luật Doanh nghiệp, tính đến thời điểm hiện nay cổ phần phổ thông của các cổ đông sáng lập đã hết thời gian hạn chế chuyển nhượng.

6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quy định khác. Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp (tối thiểu hai mươi ngày làm việc) để cổ đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán.

7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với Luật chứng khoán, văn bản hướng dẫn liên quan và quy định của Điều lệ này.

8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của cổ đông đó. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu hoặc bất kỳ một khoản phí gì.

4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng, người sở hữu cổ phiếu đó có thể đề nghị được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng

các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty theo quy định.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 111 Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ lãi vay ngân hàng vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.

6. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Ban Tổng giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

- a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện

quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;

b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;

d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;

e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

f. Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;

g. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

h. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;

i. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 Luật doanh nghiệp;

j. Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có các quyền sau:

a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại Khoản 2 Điều 25 và Khoản 1 Điều 36 Điều lệ này;

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật doanh nghiệp;

c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân, giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ công ty và các quy chế nội bộ của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d. Gửi phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định;

4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần. Trường hợp cổ đông thay đổi địa chỉ thường trú thì phải thông báo với Công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ.

5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành;

6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

- a. Vi phạm pháp luật;
- b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá sáu tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b. Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;
- c. Số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;

d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành doanh nghiệp khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;

f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 Điều này;

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 136 Luật doanh nghiệp;

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 6 Điều 136 Luật doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

d. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:

a. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;

b. Báo cáo của Ban kiểm soát;

c. Báo cáo của Hội đồng quản trị;

d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề sau:

a. Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm;

b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao

hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;

- c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;
 - d. Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;
 - e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
 - f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;
 - g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
 - h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần, và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba năm đầu tiên kể từ Ngày thành lập;
 - i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;
1. Quyết định đầu tư hoặc giao dịch mua, bán tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;
- m. Công ty mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;
 - n. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
 - o. Trích lập các quỹ nếu có từ lợi nhuận hàng năm;
1. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;
3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
- a. Thông qua các hợp đồng quy định tại khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
 - b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.
4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Đại diện theo ủy quyền

- 1. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.
- 2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành

văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp. Một tổ chức được ủy quyền tối đa 03 người.

c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với thư ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của thư ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 16, phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:

a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b. Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c. Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi đề thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18 và Điều 20.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông, hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điểm b hoặc Điểm c Khoản 4 Điều 14 của Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a. Chốt danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông chậm nhất mười lăm (15) ngày trước ngày tiến hành Đại hội.
- b. Chuẩn bị chương trình, nội dung Đại hội;
- c. Chuẩn bị tài liệu cho Đại hội;
- d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
- e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội;
- f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
- g. Các công việc khác phục vụ Đại hội.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi cho cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu điện bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Trường hợp cổ đông đã thông báo cho Công ty bằng văn bản về số fax hoặc địa chỉ thư điện tử, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi tới số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó. Trường hợp cổ đông là người làm việc trong Công ty, thông báo có thể đựng trong phong bì dán kín gửi tận tay họ tại nơi làm việc. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên (nếu có);
- c. Thẻ/ Phiếu biểu quyết; Phiếu Bầu cử (nếu có);
- d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;

e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;

b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;

c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d. Đề xuất không chứa đựng những thông tin cần thiết.

e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông và những đại diện theo uỷ quyền dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

4. Theo đề nghị của Chủ tọa, Đại hội đồng cổ đông có quyền biểu quyết thay đổi chương trình nghị sự Đại hội đã được gửi kèm theo thông báo mời họp.

Điều 20. Thẻ thực tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết/phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định (hoặc theo một cách kiểm phiếu khác phù hợp được Đại hội thông qua). Tổng số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết/bầu cử trước đó không thay đổi.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

6. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 142 Luật doanh nghiệp.

7. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.

9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:

- a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

10. Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông áp dụng các biện pháp nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:

a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);

b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

c. Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông sẽ được coi là tham gia đại hội ở Địa điểm chính của đại hội.

12. Hàng năm Công ty phải tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông sau đây sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông:

a. Thông qua báo cáo tài chính năm;

b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty;

c. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bỏ nhiệm Tổng giám đốc.

2. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.

3. Nghị quyết, quyết định về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông (hoặc các đại diện được ủy quyền) dự họp tán thành:

a. Sửa đổi và bổ sung Điều lệ;

- b. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- c. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- d. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- e. Dự án đầu tư hoặc giao dịch mua, bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- f. Tổ chức lại, giải thể Công ty.

4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty trừ trường hợp quy định tại Điều 21 Điều lệ này.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích lấy ý kiến;
- c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của cổ đông;
- d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
- f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:

a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

c. Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử hợp lệ và số biểu quyết/phiếu bầu cử không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề và tổng số phiếu bầu cử từng ứng viên;

e. Các vấn đề đã được thông qua;

f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty;

9. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất **51%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông kết thúc.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

6. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

7. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ này.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng

viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ học vấn;
- c. Trình độ chuyên môn;
- d. Quá trình công tác;
- e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
- f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
- g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- i. Các thông tin khác (nếu có).

2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba (03) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn (04) ứng viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử năm (05) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

2. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

- a. Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;
- b. Có đơn từ chức;

- c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
 - d. Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - e. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - f. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên bầu Hội đồng quản trị;
 - g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
3. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
4. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.
5. Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác nhưng không vượt quá 5 công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty, các quy chế nội bộ của Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
- a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
 - b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - c. Bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, người điều hành doanh nghiệp khác và quyết định mức lương của họ;
 - d. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - e. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác;
 - f. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành doanh nghiệp đó;
 - g. Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;
 - h. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;
 - i. Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền
 - j. Kiến nghị mức cổ tức hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

- k. Đề xuất việc trích lập các quỹ từ lợi nhuận hàng năm (nếu có);
 - l. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;
 - m. Quyết định quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua hiệu quả để bảo vệ cổ đông;
 - n. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
 - o. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông;
 - p. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc.
3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:
- a. Thành lập, sáp nhập, giải thể các phòng chức năng, đơn vị; các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện trực thuộc Công ty;
 - b. Trùng phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 149 Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 135 và khoản 1, khoản 3 Điều 162 Luật doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty;
 - c. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;
 - d. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;
 - e. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và giá trị từ 3% đến 35% tổng giá trị tài sản trong báo cáo tài chính gần nhất trở lên;
 - f. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
 - g. Việc định giá tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
 - h. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;
 - i. Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;
 - j. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.
4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.
5. Trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và người điều hành doanh nghiệp khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.

2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp (nếu có) phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch), hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm Tổng giám đốc đến năm 2020.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị.
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị.
- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị.
- d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị.
- đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp Hội đồng quản trị.
- e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2014 và Điều lệ công ty.

3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì uỷ quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được uỷ quyền thì các thành viên còn lại

bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

Điều 30. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:

- a. Ban Kiểm soát;
- b. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) cán bộ có chức danh từ Trưởng phòng Công ty, Giám đốc đơn vị trở lên;
- c. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị (nếu có);
- d. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
- e. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại khoản 3 Điều này có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.

4. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

5. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

6. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối

này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

10. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

11. Biểu quyết

a. Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết

b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên

Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết

c. Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 40 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

13. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

15. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) người làm Người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm Thư ký Công ty hoặc ngược lại.

2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

- a. Có hiểu biết về pháp luật;
- b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
- c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.

4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d. Tham dự các cuộc họp;

e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;

g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.

h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ

nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị hoặc thực hiện theo Quy chế quản trị Công ty.

Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp

1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng Người điều hành doanh nghiệp với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm mãn cán để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những Người điều hành doanh nghiệp khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Theo Khoản 1 Điều 29 của Điều lệ này, Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc đến năm 2020; sau thời gian đó Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.

2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b. Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

c. Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

d. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

e. Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;

f. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

g. Vào ngày 31 tháng 12 hàng năm, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;

h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình đề Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.

4. Báo cáo lên Hội đồng quản trị và các cổ đông. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

1. Việc xác định ứng viên và công bố thông tin ứng viên thực hiện tương tự quy định tại khoản 1 Điều 25 Điều lệ này. Cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục sáu tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các Kiểm soát viên. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) Kiểm soát viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) Kiểm soát viên; từ 30% trở lên được đề cử ba (03) ứng viên.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ và Quy chế quản trị Công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 37. Kiểm soát viên

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Ban kiểm soát phải có ít nhất một (01) thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.

2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:

a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;

b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

3. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

4. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;

b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

5. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

Điều 38. Ban kiểm soát

1. Công ty phải có Ban kiểm soát trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn cơ cấu quản lý Công ty theo điểm b Khoản 1 Điều 134 Luật Doanh nghiệp và Ban kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 165 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:

a. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty;

b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;

c. Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông;

d. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

e. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp.

f. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Người phụ trách quản trị công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.

3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.

4. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 39. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Người điều hành doanh nghiệp khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm

công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Người điều hành doanh nghiệp khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Người điều hành doanh nghiệp khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Người điều hành doanh nghiệp khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Người điều hành doanh nghiệp khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;

c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Người điều hành doanh nghiệp khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn thận và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Người điều hành doanh nghiệp khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, Người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, cẩn thận vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành doanh nghiệp khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;

b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ

Điều 42. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại Trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

4. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 43. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại

Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 44. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.

3. Công ty không trả lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

6. Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua Nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

7. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 45. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 46. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm.

Điều 47. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 48. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 50 Điều lệ này và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/lỗ của Công ty trong năm tài chính, báo cáo tình hình tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và Cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật doanh nghiệp.

4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Công ty và phải trả mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 49. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên và các công bố thông tin khác theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 50. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều

kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng chín mươi (90) ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVII. CON DẤU

Điều 51. Con dấu

1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp và Điều lệ công ty.

2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 52. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

- a. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- b. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định của pháp luật.

Điều 53. Thanh lý

1. Sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba thành viên. Hai thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

- a. Các chi phí thanh lý;
- b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- c. Nợ thuế;
- d. Các khoản nợ khác của Công ty;
- e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi nếu có được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 54. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ công ty, các quy định giữa:

- a. Cổ đông với Công ty; hoặc
- b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) hay Người điều hành doanh nghiệp khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Trường Ban kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hoà giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.

3. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Các chi phí của Tòa án sẽ do Tòa phán quyết bên nào phải chịu.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 55. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những điều khoản trong Điều lệ này trái với quy định của pháp luật hiện hành thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 56. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm XXI chương 56 Điều, được Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Trúc Thôn nhất trí thông qua ngày .. tháng 4 năm 2018 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này .

2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau, trong đó:

a. 01 bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương.

b. 05 bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương.

c. 04 bản lưu trữ tại Văn phòng Công ty

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT